

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

-----  
DƯƠNG THỊ HỒNG THÁI

QUAN HỆ GIỮA NEW ZEALAND VÀ KHU VỰC  
CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG (1991-2022)

Chuyên ngành: Quan hệ quốc tế

Mã số: 9310601.01

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ QUAN HỆ QUỐC TẾ

Hà Nội - 2024

Công trình được hoàn thành tại: Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn- Đại học Quốc gia Hà Nội

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS. Bùi Hồng Hạnh

Phản biện: PGS.TS. Bùi Nhật Quang

Phản biện: PGS.TS. Nguyễn Anh Tuấn

Phản biện: PGS.TS. Nguyễn Duy Dũng

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng cấp Đại học Quốc gia chấm luận án tiến sĩ họp tại .....

vào hồi            giờ            ngày            tháng            năm 20...

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- Thư viện Quốc gia Việt Nam
- Trung tâm Thông tin - Thư viện, Đại học Quốc gia Hà Nội

## MỞ ĐẦU

### 1. Lí do lựa chọn đề tài

Thế giới không ngừng vận động và phát triển, mỗi giai đoạn lịch sử sẽ được đánh dấu bởi những thay đổi mới bên cạnh sự kế thừa nền tảng của giai đoạn cũ. Mặc dù có nhiều quan điểm nhìn nhận và đánh giá khác nhau nhưng rất khó để phủ nhận trong gần 20 năm đầu của thế kỉ XXI, xu thế hòa bình, hợp tác và phát triển vẫn là sợi chỉ đỏ xuyên suốt trong quan hệ quốc tế từ khi chiến tranh Lạnh kết thúc. Sau khi Chiến tranh lạnh kết thúc, khu vực châu Á - Thái Bình Dương nổi lên là một trung tâm phát triển kinh tế năng động, song cũng là nơi tập trung nhiều vấn đề an ninh phức tạp với nhiều tranh chấp về lợi ích và ẩn chứa các nguy cơ xung đột tiềm tàng.

New Zealand là một quốc gia nhỏ. Các quốc gia nhỏ thường được định nghĩa là những quốc gia có diện tích đất đai, dân số, kinh tế và năng lực quân sự nhỏ. Các quốc gia nhỏ cũng bị ảnh hưởng nhiều hơn bởi sự thay đổi quyền lực toàn cầu. Nhưng các khái niệm cũ về quy mô lãnh thổ không còn quan trọng bằng quy mô ranh giới hàng hải hoặc không gian của một quốc gia hay năng lực phòng thủ mạng. Các quốc gia nhỏ có thể bù đắp cho tính dễ bị tổn thương sẵn có của mình bằng cách áp dụng các biện pháp tăng cường để khắc phục vấn đề về quy mô. Với dân số chỉ 5 triệu người, New Zealand có lãnh hải lớn thứ năm thế giới, vệ tinh chiến lược phủ sóng 1/3 địa cầu, nguồn cung cấp nước sạch dồi dào, đất canh tác đủ lớn để nuôi sống 90 triệu người và khả năng để khai thác phòng thủ mạng. New Zealand cũng nổi tiếng là một trong những quốc gia ít tham nhũng nhất thế giới, có hệ thống giáo dục đẳng cấp thế giới cũng như hệ thống phúc lợi xã hội lâu đời, đảm bảo mạng lưới an toàn làm nền tảng cho sự ổn định và gắn kết xã hội. Cùng với sự nổi lên của khu vực châu Á – Thái Bình Dương, New Zealand đã kịp thời điều chỉnh chính sách đối ngoại theo hướng ưu tiên hợp tác với các quốc gia và các tổ chức ở khu vực châu Á – Thái Bình Dương. Mặc dù là một quốc gia nhỏ nhưng New Zealand là quốc gia có nền kinh tế khá mạnh, nhiều tiềm năng phát triển và có chính sách đối ngoại rộng mở. Về mặt địa chiến lược, châu Á – Thái Bình Dương được nhìn nhận là một khu vực quan trọng của New Zealand. Quan hệ giữa các nước lớn và khu vực châu Á – Thái Bình Dương đã được nghiên cứu nhiều, trong khi quan hệ của quốc gia nhỏ đối với khu vực này còn chưa được nghiên cứu đầy đủ.

Các kết quả nghiên cứu về quan hệ New Zealand và khu vực châu Á – Thái Bình Dương rất có ý nghĩa khoa học và thực tiễn. Về phương diện khoa học, các kết quả đó góp phần làm rõ chiến lược của một nước nhỏ trong quan hệ với một khu vực năng động trên thế giới. Việc làm rõ chiến lược này, chỉ ra những đặc điểm của nó sẽ góp phần làm phong phú hơn lí luận về quan hệ quốc tế, nhất là quan hệ giữa nước nhỏ và một khu vực trên thế giới. Còn về phương diện thực tiễn, các kết quả nghiên cứu sẽ cung cấp cho các nước nhỏ nói chung, Việt Nam nói riêng những bài học kinh nghiệm quý giá trong quan hệ với các quốc gia và các tổ chức trong khu vực châu Á – Thái Bình Dương. Quan hệ giữa New Zealand và khu vực châu Á – Thái Bình Dương có tác động qua lại tới chính sách của nước này đối với Việt Nam; vì vậy, đề tài có thể phục vụ cho việc hoạch định chính sách đối ngoại của nước ta cũng như cho việc phát triển quan hệ giữa hai nước trong thời gian tới.

Bên cạnh đó, ở Việt Nam chưa có công trình nghiên cứu một cách hệ thống về quan hệ giữa New Zealand và khu vực châu Á – Thái Bình Dương giai đoạn từ 1991 đến 2022 dưới góc độ quan hệ quốc tế. Thời kì này cũng diễn ra nhiều sự kiện, chuyển biến quan trọng của tình hình thế giới và khu vực châu Á – Thái Bình Dương. Nghiên cứu được sự vận động của quan hệ giữa New Zealand và khu vực châu Á – Thái Bình Dương trong thời kì này sẽ tạo nền tảng, cơ sở cho việc nhận xét, nhìn nhận bản chất, đặc điểm của quan hệ New Zealand và khu vực châu Á – Thái Bình Dương. Từ đó, có thể có được những bài học kinh nghiệm nhất định về quan hệ của một nước nhỏ với một khu vực, cũng như thấy được tác động của quan hệ này đến khu vực và

Việt Nam. Trên cơ sở đó, các kết quả nghiên cứu có thể làm cơ sở gợi mở cho chính sách đối ngoại của Việt Nam.

Với những nhận thức như trên, Nghiên cứu sinh đã lựa chọn vấn đề “Quan hệ New Zealand và khu vực châu Á – Thái Bình Dương (1991-2022)” làm đề tài luận án tiến sĩ chuyên ngành Quan hệ quốc tế.

## **2. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu**

Mục tiêu nghiên cứu của luận án nhằm:

1) Làm rõ thực trạng quan hệ giữa New Zealand và khu vực châu Á – Thái Bình Dương từ năm 1991 đến năm 2022;

2) Đánh giá mối quan hệ giữa New Zealand và khu vực châu Á – Thái Bình Dương trong giai đoạn 1991-2022 và chỉ ra những tác động của mối quan hệ này đối với New Zealand, đối với khu vực châu Á – Thái Bình Dương, trong đó có Việt Nam.

Để đạt được các mục tiêu trên, nhiệm vụ của luận án sẽ tập trung nghiên cứu và làm rõ các nội dung chính sau:

1) Nêu lên các cơ sở lí luận và những nhân tố cơ bản tác động tới quan hệ New Zealand và khu vực châu Á – Thái Bình Dương từ năm 1991 đến năm 2022

2) Phân tích diễn tiến trong quan hệ giữa New Zealand và khu vực châu Á – Thái Bình Dương trên một số lĩnh vực chủ yếu (chính trị-ngoại giao, an ninh-quốc phòng, kinh tế-thương mại và văn hóa-xã hội).

3) Đánh giá mối quan hệ giữa New Zealand và khu vực châu Á – Thái Bình Dương trong giai đoạn 1991-2022

4) Chỉ ra những tác động của mối quan hệ này đối với New Zealand, đối với khu vực châu Á – Thái Bình Dương, trong đó có Việt Nam

5) Dự báo về xu hướng quan hệ giữa New Zealand và khu vực Châu Á – Thái Bình Dương từ đó đưa ra hàm ý đối với Việt Nam

## **3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

*Đối tượng nghiên cứu* của luận án là quan hệ giữa New Zealand và khu vực châu Á – Thái Bình Dương.

*Phạm vi nghiên cứu về mặt nội dung:* Luận án nghiên cứu quan hệ giữa New Zealand và khu vực châu Á – Thái Bình Dương trên các lĩnh vực: chính trị - ngoại giao, an ninh - quốc phòng, kinh tế - thương mại và văn hóa-xã hội.

*Phạm vi nghiên cứu về mặt thời gian:* Giai đoạn 1991-2022.

Sở dĩ tác giả luận án lấy năm 1991 là mốc khởi đầu nghiên cứu vì năm 1991 là mốc thời gian Chiến tranh lạnh kết thúc, mở đầu cho bối cảnh mở rộng và tăng cường các quan hệ quốc tế trên phạm vi toàn thế giới, khu vực châu Á - Thái Bình Dương nổi lên là một trung tâm phát triển năng động và New Zealand đã kịp thời điều chỉnh chính sách đối ngoại theo hướng ưu tiên hợp tác với các quốc gia và các tổ chức ở khu vực Châu Á – Thái Bình Dương.

Năm 2022 được chọn làm thời gian kết thúc nghiên cứu vì đây là thời điểm thế giới bước ra khỏi Đại dịch Covid – 19, thời điểm thế giới có nhiều sự kiện biến động.

*Phạm vi không gian:* Từ trước đến nay, khái niệm châu Á – Thái Bình Dương ngày càng được sử dụng rộng rãi, song chưa đi đến thống nhất bởi mỗi quốc gia lại ủng hộ các phân định khác nhau phù hợp với lợi ích của riêng mình. Khái niệm châu Á – Thái Bình Dương có từ thập niên 60 và 70 của thế kỷ trước, với việc kết nối bờ Đông châu Á với khu vực Tây Thái Bình Dương, khái niệm này được Mỹ, Nhật, Australia và New

Zealand chấp nhận. Định nghĩa thông dụng của châu Á – Thái Bình Dương bao gồm Đông Á và các nước phương Tây của Thái Bình Dương (Mỹ, Australia, Canada, New Zealand), toàn bộ vùng đảo Thái Bình Dương cũng nằm trong định nghĩa thông thường của khu vực châu Á – Thái Bình Dương. Diễn đàn châu Á – Thái Bình Dương (APEC) là một tập hợp mà qua đó ta có thể hiểu châu Á – Thái Bình Dương còn bao hàm cả nước Mỹ Latinh ở bờ Tây Thái Bình Dương.

Trong phạm vi luận án, để sát với hướng nghiên cứu quan hệ giữa New Zealand và khu vực châu Á – Thái Bình Dương, khu vực này gồm cả Đông Á mở rộng. Để làm chi tiết, cụ thể quan hệ của New Zealand với khu vực châu Á – Thái Bình Dương, luận án xem xét quan hệ của New Zealand với một số nước láng giềng (bao gồm các Quốc Đảo Thái Bình Dương, Australia) do...; với một số nước lớn trong khu vực châu Á – Thái Bình Dương (Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản, Nga, Ấn Độ, Nga) với ASEAN và các diễn đàn đa phương khác.

#### **4. Phương pháp nghiên cứu**

Là đề tài về Quốc tế học nên phương pháp nghiên cứu chủ yếu là các phương pháp nghiên cứu quan hệ quốc tế được kết hợp sử dụng trong luận án để xem xét quan hệ giữa New Zealand và khu vực châu Á – Thái Bình Dương.

- (1) Luận án sử dụng phương pháp nghiên cứu tài liệu, phân tích - tổng hợp, so sánh - đối chiếu
- (2) Sử dụng cách tiếp cận lịch sử để phân tích, đánh giá quá trình vận động, phát triển và diễn tiến theo thời gian, nhằm tái hiện bức tranh toàn cảnh và quá trình phát triển của quan hệ giữa New Zealand và khu vực châu Á – Thái Bình Dương.
- (3) Sử dụng phương pháp phân tích chính sách đối ngoại (cơ sở lý luận, thực tiễn trong hoạch định chính sách, nội dung, quá trình triển khai) làm cơ sở chính trong quá trình nghiên cứu đề tài này.
- (4) Sử dụng phương pháp hệ thống - cấu trúc (quan hệ thứ bậc được xây dựng dựa trên quyền lực, những mối quan hệ phổ biến và luật lệ chung) để giải thích quan hệ giữa New Zealand và khu vực châu Á – Thái Bình Dương (1991-2022) một cách khách quan, toàn diện và hiệu quả nhất.
- (5) Sử dụng phương pháp dự báo để luận giải về xu hướng quan hệ giữa New Zealand và khu vực châu Á – Thái Bình Dương trong thời gian tới. Luận án phân tích đánh giá những nhân tố thúc đẩy, cản trở, thời cơ và thách thức và dự báo đến 2030. Trên cơ sở đó, khuyến nghị giải pháp phát huy yếu tố tích cực để nâng cao hiệu quả hợp tác song phương giữa Việt Nam và New Zealand và đưa ra những hàm ý đối với Việt Nam.
- (6) Sử dụng phương pháp thống kê để lập các bảng biểu và hệ thống hóa các hoạt động hợp tác giữa New Zealand với các đối tác và các tổ chức ở khu vực châu Á – Thái Bình Dương để minh họa và chứng minh cho các phân tích, đánh giá và nhận định của Luận án.
- (7) Sử dụng phương pháp chuyên gia, thông qua việc thu thập ý kiến của các chuyên gia trong các lĩnh vực (chính trị - ngoại giao, thương mại – đầu tư, quốc phòng – an ninh, văn hóa – xã hội, ...)
- (8) Sử dụng phương pháp nghiên cứu so sánh, đối chiếu xuyên suốt trong luận án, nhằm làm nổi bật kết quả đạt được giữa giai đoạn trước với giai đoạn sau; đối chiếu giữa thực tế triển khai chính sách của New Zealand so với với mục tiêu, nội dung đề ra, để rút ra kết quả và hạn chế của quan hệ giữa New Zealand và khu vực châu Á – Thái Bình Dương.
- (9) Sử dụng phương pháp diễn ngôn: Nhằm làm rõ nội dung quan hệ giữa New Zealand và khu vực châu Á – Thái Bình Dương thông qua phân tích các diễn ngôn chính trị, tuyên bố, thông cáo của Chính phủ, Bộ Ngoại giao và Thương mại, Bộ Quốc Phòng, các chính trị gia, học giả...

Tóm lại, do tính chất liên ngành, đa ngành của khoa học xã hội nói chung và nghiên cứu quan hệ quốc tế nói riêng nên những phương pháp nghiên cứu kể trên sẽ được kết hợp và vận dụng trong luận án một cách linh hoạt.

## 5. Đóng góp của luận án

Trên cơ sở kế thừa và phát triển các thành quả nghiên cứu từ nhiều công trình khoa học tiêu biểu trong nước và ngoài nước, luận án có những đóng góp chủ yếu như sau:

*Trước hết*, về mặt lí luận, trên cơ sở hệ thống hoá và sử dụng các lý thuyết về chính sách ngoại giao nước nhỏ, chủ nghĩa khu vực... nhằm lý giải quan hệ giữa New Zealand với khu vực châu Á – Thái Bình Dương, luận án đóng góp thêm cơ sở lí luận cho việc phân tích quan hệ giữa nước nhỏ với một khu vực. Trên cơ sở khái quát toàn bộ tiến trình phát triển của quan hệ New Zealand và các quốc gia và các tổ chức trong khu vực châu Á – Thái Bình Dương, thông qua việc phân tích và đánh giá các sự kiện diễn ra một cách khách quan, luận án đã khắc họa nên một bức tranh toàn diện về quan hệ đối ngoại New Zealand và các quốc gia và các tổ chức trong khu vực châu Á – Thái Bình Dương trên các lĩnh vực chính trị - ngoại giao, an ninh - quốc phòng, thương mại – đầu tư và văn hóa - xã hội từ năm 1991 đến năm 2022.

*Thứ hai*, luận án rút ra những đặc trưng quan hệ giữa New Zealand và các quốc gia và các tổ chức trong khu vực châu Á – Thái Bình Dương từ năm 1991 đến năm 2022.

*Thứ ba*, luận án cũng đề cập phân tích những khía cạnh trong quan hệ New Zealand và khu vực châu Á – Thái Bình Dương có tác động tới Việt Nam. Điều này cũng góp phần vào việc tạo ra cơ sở cho việc hoạch định chính sách đối ngoại của Việt Nam, giúp các nhà hoạch định vận dụng vào lĩnh vực đối ngoại, nhất là trong quá trình mở rộng và phát triển quan hệ hợp tác với các quốc gia và các tổ chức trong khu vực châu Á – Thái Bình Dương.

*Cuối cùng*, về mặt tư liệu, luận án tập hợp và xử lý được các tài liệu tham khảo trong nước và ngoài nước, có liên quan tới nhiều vấn đề, lĩnh vực của mối quan hệ New Zealand và khu vực châu Á – Thái Bình Dương kể từ năm 1991 đến năm 2022 để nghiên cứu phân tích. Nguồn tài liệu này không chỉ phục vụ cho hoàn thành luận án mà còn là cơ sở để những người quan tâm tiếp tục nghiên cứu. Không những vậy, luận án còn có thể dùng làm tài liệu tham khảo cho công tác giảng dạy, học tập đối với những người quan tâm đến New Zealand và khu vực châu Á – Thái Bình Dương.

## 6. Nguồn tài liệu tham khảo

Nguồn tài liệu phục vụ cho nghiên cứu của luận án bao gồm hai nhóm chính:

*Nhóm thứ nhất gồm:* Các văn kiện của Chính phủ New Zealand và các quốc gia và các tổ chức trong khu vực châu Á – Thái Bình Dương: các Hiệp định, Hiệp ước, Tuyên bố chung, phát biểu của lãnh đạo các Nhà nước, các Chính phủ, các tổ chức quốc tế... được đăng tải chính thức trên website của Bộ Ngoại giao các nước, của các tổ chức quốc tế. Đây là nguồn tài liệu quan trọng, cung cấp những thông tin cơ bản, các sự kiện lớn diễn ra giữa New Zealand và các quốc gia và các tổ chức trong khu vực châu Á – Thái Bình Dương một cách chính thống.

*Nhóm thứ hai gồm:*

- Các báo cáo tổng hợp, tài liệu đánh giá của các Bộ ngành của Việt Nam, New Zealand, các quốc gia và các tổ chức trong khu vực châu Á – Thái Bình Dương.

- Các công trình nghiên cứu của các học giả nước ngoài liên quan tới New Zealand, châu Á – Thái Bình Dương được viết hoặc dịch ra bằng tiếng Việt và tiếng Anh.

- Các công trình chuyên khảo, sách, bài viết nghiên cứu, kỉ yếu hội thảo đã được công bố của các học giả Việt Nam có liên quan tới đề tài.

Những nguồn tài liệu ở nhóm thứ hai cung cấp các số liệu thống kê giúp nhận ra được sự vận động trong quan hệ giữa New Zealand và khu vực châu Á – Thái Bình Dương.

Những quan điểm, đánh giá của các học giả nghiên cứu về quan hệ New Zealand và khu vực châu Á – Thái

Bình Dương cung cấp thông tin và luận điểm tham khảo quan trọng, giúp Nghiên cứu sinh có cơ hội tiếp thu các phương pháp nghiên cứu, cách tiếp cận vấn đề để bổ sung vào nội dung của luận án.

## **7. Bố cục của luận án**

Ngoài phần mở đầu, kết luận và tài liệu tham khảo, luận án được kết cấu thành 4 chương với những nội dung chính như sau:

- *Chương 1: Tổng quan tình hình nghiên cứu về đề tài*

Trong chương này, Nghiên cứu sinh đã đi qua những công trình nghiên cứu bằng tiếng Anh và tiếng Việt của các nhà nghiên cứu, học giả trong và ngoài nước xoay quanh quan hệ giữa New Zealand và khu vực châu Á – Thái Bình Dương. Trên cơ sở khái quát những nội dung chính của các công trình nghiên cứu học thuật trong và ngoài nước có giá trị, phù hợp với đề tài nghiên cứu của luận án, Nghiên cứu sinh rút ra một số nhận xét, xác định những vấn đề, lĩnh vực có giá trị cho nghiên cứu để bổ sung vào luận án; đồng thời chỉ ra những “khoảng trống” trong nghiên cứu mà luận án có thể góp phần giải quyết các vấn đề này.

- *Chương 2: Cơ sở của quan hệ giữa New Zealand và khu vực châu Á – Thái Bình Dương (1991-2022)*

Trong chương 2, Nghiên cứu sinh trình bày các cơ sở lí luận chung và những cơ sở thực tiễn (chính là những nhân tố) tác động tới quan hệ giữa New Zealand và khu vực châu Á – Thái Bình Dương giai đoạn 1991-2022. Cơ sở lí luận chung sẽ được đề cập tới các lí thuyết về các chiến lược đối ngoại của nước nhỏ, chủ nghĩa khu vực. Bên cạnh đó, các nhân tố khách quan và chủ quan tác động tới quan hệ New Zealand và khu vực châu Á – Thái Bình Dương như bối cảnh thế giới, bối cảnh khu vực châu Á – Thái Bình Dương, tình hình New Zealand chính sách đối ngoại của New Zealand đối với khu vực châu Á – Thái Bình Dương cũng được đề cập tới.

- *Chương 3: Thực trạng quan hệ giữa New Zealand và khu vực châu Á – Thái Bình Dương (1991-2022)*

Đây là một chương trọng tâm của luận án khi đề cập tới sự vận động, diễn tiến trong quan hệ New Zealand và khu vực châu Á – Thái Bình Dương từ năm 1991 đến năm 2022 trên các lĩnh vực hợp tác chủ yếu như: chính trị-ngoại giao, quốc phòng-an ninh, kinh tế-thương mại và các lĩnh vực văn hóa-xã hội, khoa học, giáo dục, du lịch...

- *Chương 4: Nhận xét, xu hướng quan hệ và hàm ý cho Việt Nam*

Trên cơ sở các nội dung đã được trình bày ở ba chương trước, chương thứ tư có nhiệm vụ nhận xét, đánh giá giữa New Zealand và khu vực châu Á – Thái Bình Dương. Chương này rút ra những đặc điểm trong quan hệ giữa New Zealand và khu vực châu Á – Thái Bình Dương, chỉ ra những thành tựu và một số vấn đề vẫn còn tồn tại trong quan hệ giữa New Zealand và khu vực châu Á – Thái Bình Dương. Trên cơ sở các đặc điểm quan hệ giữa New Zealand và khu vực châu Á – Thái Bình Dương, chương này chỉ ra những tác động giữa New Zealand và khu vực châu Á – Thái Bình Dương tới khu vực châu Á – Thái Bình Dương, tới New Zealand và tới Việt Nam.

## CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU VỀ ĐỀ TÀI

Chủ đề nghiên cứu của luận án đã được phản ánh trực tiếp và gián tiếp trong nhiều công trình nghiên cứu tại Việt Nam và nước ngoài, được thực hiện bởi các nhà nghiên cứu nổi tiếng ở các Viện nghiên cứu về Quan hệ quốc tế. Trong khuôn khổ của đề tài luận án, Nghiên cứu sinh tiếp cận các nguồn tài liệu theo ba nội dung: (1) Các công trình nghiên cứu về chủ nghĩa khu vực và chính sách đối ngoại của nước nhỏ; (2) các công trình nghiên cứu về chính sách đối ngoại của New Zealand có đề cập đến chính sách đối ngoại của New Zealand đối với khu vực châu Á – Thái Bình Dương; (3) các công trình nghiên cứu quan hệ giữa New Zealand và khu vực châu Á – Thái Bình Dương trên các lĩnh vực.

### 1.1. Các công trình nghiên cứu về chủ nghĩa khu vực và chính sách đối ngoại của nước nhỏ

Công trình nghiên cứu với tựa đề “*Phân định chủ nghĩa khu vực trong nghiên cứu quốc tế*” của tác giả Hoàng Khắc Nam được viết vào năm 2014. Trong 24 trang viết, công trình nghiên cứu đưa ra định nghĩa khái niệm “khu vực”, các tiêu chí phân định khu vực: Theo tiêu chí địa lý, tính thuần nhất, sự chia sẻ kinh tế hoặc/và chính trị. Tác giả cũng phân tích ưu nhược điểm của từng tiêu chí phân định khu vực, rút ra một số nhận xét về vấn đề phân định khu vực. Bài viết đã giúp giải thích sự khác nhau trong quan niệm về khu vực. Trong quan hệ quốc tế, sự khác nhau có thể xuất phát từ tính toán lợi ích khác nhau, do hệ tiêu chí phân định khu vực khác nhau, do đánh giá mức độ liên hệ/tương tác trong từng tiêu chí khác nhau. Thông qua quan niệm khu vực khác nhau, có thể đánh giá được phần nào lợi ích, nhận thức và động thái khu vực của các đối tác quan hệ. Tác giả cũng khẳng định khu vực không phải là bất biến, khu vực có tính mở, mọi sự xác định khu vực chỉ là tương đối do quốc gia quyết định khu vực và sự cố kết khu vực hơn là sự tự thân của khu vực và sự phân định khu vực đang gặp phải thách thức lớn từ quốc tế hóa, toàn cầu hóa và các lực lượng toàn cầu. Tác giả nêu ví dụ liên khu vực Đông Á – Mỹ trở thành khu vực châu Á – Thái Bình Dương phản ánh xu hướng xóa nhòa ranh giới khu vực khi chuẩn bị tham gia toàn cầu hóa.

Tác giả Hoàng Khắc Nam cũng có bài viết “*Nhận thức về chủ nghĩa Khu vực*” được viết vào năm 2014. Trong 22 trang viết, tác giả đã làm rõ những nội dung chủ yếu của chủ nghĩa khu vực, đưa ra một số nhận xét xung quanh khái niệm và nội dung của chủ nghĩa khu vực. Bài viết cũng khẳng định chủ nghĩa khu vực bao gồm ba nội dung chính là nhận thức khu vực, hợp tác khu vực và khu vực hóa và đưa ra khái niệm rộng về chủ nghĩa khu vực: “Ý thức khu vực và những cố gắng thúc đẩy hợp tác khu vực nhằm thực hiện những lợi ích chung trong khu vực.”

Năm 2019, tác giả Jim Rolfe đã có bài viết “*Pragmatic Optimisation: Australia-New Zealand Relations in the 21st-Century*” (*Tối ưu hóa thực dụng: Quan hệ Australia-New Zealand trong thế kỷ 21*). Bài viết là một chương trong cuốn sách “*Small states and the changing global order*” (Các quốc gia nhỏ và trật tự toàn cầu đang thay đổi). Chương sách viết về mối quan hệ đồng minh gần gũi giữa New Zealand và Australia trên các lĩnh vực kinh tế - thương mại, an ninh - quốc phòng, giáo dục, văn hóa và xã hội, sự cùng tham gia vào các tổ chức và các diễn đàn trong khu vực và trên thế giới Các mối quan hệ kinh doanh, học thuật và xã hội.

Trong hai cuốn sách mang tính bước ngoặt năm 1980 và 1991, ba nhà khoa học chính trị của Đại học Canterbury, John Henderson, Keith Jackson, và Richard Kennaway cùng một nhóm các học giả chính sách đối ngoại của New Zealand đã đánh giá những tiến bộ đạt được trong nỗ lực xây dựng một chính sách đối ngoại độc lập hơn của New Zealand kể từ chính phủ Kirk. Trong chương về lý thuyết nhà nước nhỏ trong cuốn *New Zealand và hơn thế nữa: Chính sách đối ngoại của một quốc gia nhỏ (1991)*, Henderson đã xác định các đặc điểm của quốc gia nhỏ như sau: 1. sự hạn chế trong việc tham gia vào các vấn đề quốc tế do hạn chế tài nguyên; 2. phạm vi hẹp; 3. Tập trung vào kinh tế; 4. chủ nghĩa quốc tế; 5. nhấn mạnh đạo đức; 6. tránh



rủi ro.

Bài viết “*Small Can Be Huge: New Zealand Foreign Policy in an Era of Global Uncertainty*” (Nhỏ có thể trở nên lớn: Chính sách đối ngoại của New Zealand trong kỷ nguyên bất ổn toàn cầu) là một chương được viết bởi tác giả Anne-Marie Brady, nằm trong cuốn sách “*Small states and the changing global order*” (Các quốc gia nhỏ và trật tự toàn cầu đang thay đổi) được viết năm 2018. Tác giả Anne-Marie Brady đã đo lường sáu đặc điểm kể trên của một quốc gia nhỏ trong trường hợp của New Zealand và phân tích những đặc điểm này cho chúng ta biết điều gì về những tình thế tiến thoái lưỡng nan trong chính sách đối ngoại mà New Zealand hiện đang phải đối mặt và những cách tiếp cận mà các chính phủ New Zealand đã áp dụng để giải quyết chúng.

## **1.2. Các công trình nghiên cứu về chính sách đối ngoại của New Zealand**

Công trình nghiên cứu với tựa đề “*Lilliputian in Fluid Times: New Zealand Foreign Policy after the Cold War*” (Chính sách đối ngoại của New Zealand sau chiến tranh Lạnh) của tác giả Paul G. Buchannan được viết vào năm 2010. Trong 25 trang viết, công trình nghiên cứu đưa ra bối cảnh toàn cầu sau chiến tranh Lạnh, bối cảnh chính trị và thể chế của New Zealand sau chiến tranh Lạnh, chính sách đối ngoại của New Zealand sau Chiến tranh Lạnh trên các lĩnh vực thương mại, an ninh, ngoại giao. Bài viết cũng đưa ra những phân tích và nhận định của tác giả về chính sách đối ngoại của New Zealand sau Chiến tranh Lạnh trên các lĩnh vực thương mại, an ninh, ngoại giao.

Tác giả Robert G. Patman có bài viết “*Globalisation, sovereignty and the transformation of New Zealand foreign policy*” (toàn cầu hóa, chủ quyền và sự chuyển đổi chính sách đối ngoại của New Zealand) đăng trên tạp chí Centre for Strategic Studies năm 2005. Bài viết dài 21 trang phân tích tác động của bối cảnh toàn cầu đang thay đổi nhanh chóng đối với chính sách đối ngoại của New Zealand. Toàn cầu hóa có ảnh hưởng đến chính sách đối ngoại của New Zealand hay không? Nghiên cứu mở đầu với các khái niệm, chủ quyền và toàn cầu hóa. Thứ hai, tác giả đánh giá ba trường phái tư tưởng cạnh tranh nhau trong cuộc tranh luận về chủ quyền-toàn cầu hóa. Thứ ba, nghiên cứu bàn về chủ quyền và chính sách đối ngoại của New Zealand trước thời đại toàn cầu hóa. Thứ tư, tác động của toàn cầu hóa trong hai thập kỷ qua được thể hiện dưới góc độ bản sắc dân tộc, xu hướng kinh tế và chính trị, chính sách an ninh và can dự ngoại giao của New Zealand. Cuối cùng, bài viết liên hệ kinh nghiệm chính sách đối ngoại của New Zealand với mối quan hệ giữa chủ quyền và toàn cầu hóa.

## **1.3. Các công trình nghiên cứu về quan hệ giữa New Zealand và khu vực châu Á – Thái Bình Dương trên các lĩnh vực**

Năm 2020, tác giả Alan Bollard đã có bài đăng “*New Zealand and the Asia-Pacific Economic Decade*” (New Zealand và Thập kỷ kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương) trên tạp chí Quarterly Policy Số 16 (4). Bài nghiên cứu đã nhấn mạnh Thập kỷ vừa qua đã chứng kiến khu vực Châu Á - Thái Bình Dương trải qua những mô hình phát triển kinh tế mới, được thúc đẩy bởi những thay đổi lớn trong dòng chảy thương mại, vốn và công nghệ, cùng với sự gián đoạn về nhân khẩu học. Trên hết, khu vực này đang chứng kiến sự trỗi dậy của nền kinh tế Trung Quốc, phản ứng mang tính phòng thủ của Mỹ, những lo ngại về biến đổi khí hậu và các vấn đề của Covid-19. Điều này mang đến những lo ngại mới về toàn cầu hóa và thách thức đối với New Zealand khi là quốc gia đang cai tổ chức APEC vào năm 2021.

Năm 2013, nhóm tác giả Sayeeda Bano và Frank Scrimgeour thuộc trường The University of Waikato, Hamilton, New Zealand đã viết bài nghiên cứu “*ASEAN-New Zealand Trade Relations and Trade Potential: Evidence and Analysis*” (Quan hệ thương mại ASEAN-New Zealand và tiềm năng thương mại: Bằng chứng

và phân tích). Bài phân tích được đăng trên tạp chí *Journal of Economic Integration*, số 28 (1). Nghiên cứu này phân tích quan hệ thương mại giữa ASEAN và New Zealand giai đoạn 1980-2010 và tiềm năng thương mại trong tương lai. Nghiên cứu cho thấy thương mại New Zealand-ASEAN đã tăng cường trong những năm qua, ngay cả khi có nhiều biến động, đồng thời cho thấy tiềm năng tăng trưởng đáng kể trong tương lai trong các lĩnh vực xuất khẩu cụ thể và cho thấy mô hình thương mại đang thay đổi giữa New Zealand và các thành viên ASEAN.

Luận văn thạc sỹ “*Neither Staunch friends nor confirmed foes: New Zealand’s defence diplomacy in Asia*” (Không phải bạn bè vĩnh viễn cũng không có kẻ thù vĩnh viễn: Ngoại giao quốc phòng của New Zealand ở châu Á) của tác giả Justin Fris thuộc Victoria University of Wellington viết năm 2013. Luận văn đã phân tích các hoạt động hợp tác quốc phòng do Bộ Quốc phòng và Lực lượng Phòng vệ New Zealand thực hiện với lực lượng vũ trang của các quốc gia khác New Zealand ở Châu Á sau chiến tranh Lạnh. Luận văn xem xét cách New Zealand đã phát triển và quản lý chính sách ngoại giao quốc phòng với những đồng minh truyền thống ở châu Á thông qua việc xem xét ví dụ về Thỏa thuận phòng thủ năm cường quốc (Úc, Malaysia, New Zealand, Singapore và Anh). Luận văn cũng khám phá chính sách ngoại giao quốc phòng “mới” của New Zealand với những quốc gia ở châu Á như Trung Quốc, Việt Nam và Indonesia. Luận văn xem xét những vấn đề nan giải và vấn đề chính của ngoại giao quốc phòng nảy sinh trong quá trình phát triển các mối quan hệ then chốt này và phân tích ngoại giao quốc phòng của New Zealand.

Năm 2019, tác giả Jim Rolfe đã có bài viết “Pragmatic Optimisation: Australia—New Zealand Relations in the 21st-Century” (*Tối ưu hóa thực dụng: Quan hệ Australia-New Zealand trong thế kỷ 21*). Bài viết là một chương trong cuốn sách “*Small states and the changing global order*” (Các quốc gia nhỏ và trật tự toàn cầu đang thay đổi). Chương sách viết về mối quan hệ đồng minh gần gũi giữa New Zealand và Australia trên các lĩnh vực kinh tế - thương mại, an ninh - quốc phòng, giáo dục, văn hóa và xã hội, sự cùng tham gia vào các tổ chức và các diễn đàn trong khu vực và trên thế giới Các mối quan hệ kinh doanh, học thuật và xã hội.

Tác giả Anne-Marie Brady với bài viết *New Zealand-China Relations: Common points and differences* (New Zealand-Trung Quốc: Những điểm chung và khác biệt) *đăng trên tạp chí New Zealand Journal of Asian Studies*, số 2 (10) năm 2008 nghiên cứu về mối quan hệ giữa New Zealand và Trung Quốc. Bài nghiên cứu tìm hiểu về lịch sử và quan hệ chặt chẽ hiện nay giữa hai quốc gia New Zealand và Trung Quốc. Sự trỗi dậy của Trung Quốc ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương trong những năm gần đây đã khiến New Zealand có những điều chỉnh đáng kể trong chính sách đối ngoại đối với Trung Quốc. Tác giả đã phân tích quan hệ giữa New Zealand với Trung Quốc trên các lĩnh vực: chính trị - ngoại giao, an ninh - quốc phòng, kinh tế - thương mại, văn hóa - xã hội qua các giai đoạn từ 1984 đến nay và thảo luận về một số điểm chung và một số điểm khác biệt giữa New Zealand và Trung Quốc.

Tác giả Chris Elder và Robert Ayson đã có bài viết “China’s rise and New Zealand’s interests: A policy primer for 2030” (Sự trỗi dậy của Trung Quốc và lợi ích của New Zealand: Cẩm nang chính sách cho năm 2030). Bài viết dài 30 trang được đăng trên Centre for Strategic Studies: New Zealand Victoria University of Wellington số 11 năm 2012. Bài viết phân tích sự trỗi dậy của Trung Quốc và ảnh hưởng đến các thể chế quốc tế, môi trường chính trị và an ninh đặc biệt là ở khu vực châu Á-Thái Bình Dương. Bài phân tích xem xét Trung Quốc và thế giới sẽ như thế nào đến năm 2030 và điều này có ý nghĩa gì đối với việc hoạch định chính sách đối ngoại của New Zealand trong những năm tới.

Tác giả Reuben Steff và Francesca Dodd-Parr có bài viết “*Examining the immanent dilemma of small states in the Asia-Pacific: the strategic triangle between New Zealand, the US and China*” (Xem xét tình thế

tiền thoái lưỡng nan của quốc gia nhỏ ở châu Á - Thái Bình Dương: tam giác chiến lược giữa New Zealand, Mỹ và Trung Quốc) được đăng trên tạp chí The Pacific Review vào năm 2018. Trong bối cảnh các quốc gia nhỏ trên khắp châu Á-Thái Bình Dương đang phải đối mặt với tình thế tiền thoái lưỡng nan ngày càng tăng về cách cân bằng mối quan hệ an ninh truyền thống với Mỹ và thương mại đang gia tăng nhanh chóng với Trung Quốc. Bài viết dài 26 trang nghiên cứu quan hệ giữa New Zealand và Trung Quốc và New Zealand và Mỹ trên các lĩnh vực và phân tích chính sách đối ngoại độc lập của New Zealand. Bài viết đã khẳng định New Zealand đã áp dụng một loạt các chiến lược để cân bằng mối quan hệ của mình giữa Mỹ và Trung Quốc. Trong khi các mối quan hệ an ninh quan trọng của New Zealand vẫn tập trung vào các đối tác truyền thống thì thương mại của New Zealand với Trung Quốc đã tăng lên rõ rệt từ năm 2008 đến năm 2018.

Tác giả Mark G. Rolls có bài viết *“Opposites attract? India-New Zealand relations in the contemporary Indo-Pacific”* (Khác biệt thu hút nhau? Quan hệ Ấn Độ-New Zealand ở Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương) đăng trên tạp chí Political Science số 68(1) năm 2016.

Ấn Độ đóng vai trò quan trọng trong khu vực “Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương”. Trong 18 trang viết, tác giả đánh giá tầm quan trọng của Ấn Độ đối với New Zealand và mối quan hệ song phương giữa hai quốc gia trên các lĩnh vực kinh tế - thương mại, ngoại giao nhân dân, hợp tác quốc phòng và an ninh hàng hải, hợp tác tại Liên Hợp Quốc. Bài viết cũng phân tích về những nỗ lực khác nhau mà New Zealand đã thực hiện nhằm nâng cao chất lượng cho mối quan hệ song phương trong bối cảnh New Zealand có chính sách tái định hướng sang châu Á – Thái Bình Dương.

Năm 2020, tác giả Tadashi Iwami đã có bài viết *“Strategic partnership between Japan and New Zealand: foundation, development and prospect”* (Quan hệ đối tác chiến lược giữa Nhật Bản và New Zealand: nền tảng, phát triển và triển vọng), được đăng trên tạp chí The Pacific Review. Bài viết định nghĩa và phân tích khuôn khổ cho “quan hệ đối tác chiến lược”. Bài viết cũng phân tích nền móng cho mối quan hệ đối tác chiến lược giữa Nhật Bản và New Zealand. Bài viết xem xét ba yếu tố trong quá trình triển khai quan hệ đối tác chiến lược giữa Nhật Bản và New Zealand. Bài viết khẳng định mối quan hệ đối tác chiến lược có tiềm năng phát triển hơn nữa trong tương lai qua việc phân tích ba yếu tố tác động đến sự phát triển của quan hệ đối tác chiến lược giữa hai nước: sự hiện diện quyết đoán liên tục trên biển của Trung Quốc, sự phục hồi của mối quan hệ song phương Mỹ-New Zealand và cam kết của Nhật Bản và New Zealand đối với khu vực Nam Thái Bình Dương.

Năm 2019, tác giả James Headley đã có bài viết *“Russia Resurgent: The Implications for New Zealand”* (Sự trở dậy của nước Nga: Những hàm ý đối với New Zealand). Bài viết là một chương trong cuốn sách *“Small states and the changing global order”* (Các quốc gia nhỏ và trật tự toàn cầu đang thay đổi). Chương sách viết về lịch sử quan hệ giữa Nga-New Zealand, xem xét mối quan hệ hai nước trên các lĩnh vực kinh tế, ngoại giao, đặc biệt là ở các khu vực châu Á-Thái Bình Dương, Nam Thái Bình Dương. Bài viết khẳng định Nga là một cường quốc đang tìm cách khẳng định ảnh hưởng quốc tế của mình và đang tạo ra những thách thức đáng kể cho các quốc gia phương Tây. Mặc dù Nga không phải là trọng tâm ưu tiên trong chính sách đối ngoại của New Zealand, nhưng các hành động của nước này ngày càng có ý nghĩa quan trọng đối với các quốc gia nhỏ như New Zealand trong việc thích nghi với môi trường an ninh mới. Nga cũng là một quốc gia châu Á-Thái Bình Dương và đang hướng tới tham gia nhiều hơn vào khu vực châu Á-Thái Bình Dương - thông qua tăng cường thương mại, phát triển quan hệ song phương và tham gia vào các dự án hội nhập khu vực. Điều này thậm chí còn mở rộng đến Nam Thái Bình Dương, nơi Nga đang phát triển mối quan hệ song phương của riêng mình với các quốc gia như Fiji, bao gồm cả việc cung cấp cho nước này một lô hàng vũ khí quân sự trên danh nghĩa là để gìn giữ hòa bình. Bài viết lập luận rằng Nga là một chủ thể quốc tế

quan trọng mà New Zealand cần hợp tác và tính đến để theo đuổi lợi ích của mình, cả ở châu Á-Thái Bình Dương và trên toàn cầu.

### **1.3. Một số nhận xét**

Cho tới nay, các công trình nghiên cứu trong nước và ngoài nước về quan hệ giữa New Zealand và khu vực châu Á – Thái Bình Dương có một khối lượng khá phong phú. Trước những nguồn tài liệu thu thập được chứng tỏ quan hệ giữa New Zealand và khu vực châu Á – Thái Bình Dương rất được quan tâm vì quan hệ giữa New Zealand và khu vực châu Á – Thái Bình Dương không chỉ ảnh hưởng tới lợi ích quốc gia của New Zealand mà còn có tác động tới khu vực châu Á – Thái Bình Dương và quốc tế. Thông qua các công trình đó, luận án đã tiếp thu được những luận điểm chính như sau:

*Thứ nhất*, những công trình nghiên cứu của các học giả trong và ngoài nước thường có bố cục chặt chẽ, khoa học. Điều này rất hữu ích trong việc giúp nghiên cứu sinh học hỏi để xây dựng bố cục của luận án.

*Thứ hai*, các công trình nghiên cứu về chính sách đối ngoại của New Zealand thời kỳ sau chiến tranh lạnh đã mang tới những đánh giá, nhìn nhận làm nguồn tài liệu tham khảo quý báu cho luận án.

*Thứ ba*, các công trình nghiên cứu về quan hệ giữa New Zealand và khu vực châu Á – Thái Bình Dương trên các lĩnh vực chính trị - ngoại giao, an ninh – quốc phòng, kinh tế - thương mại và văn hóa – xã hội khá đầy đủ với những số liệu đáng tin cậy giúp cho luận án tổng hợp, hệ thống hóa các thành quả nghiên cứu để giải quyết một số câu hỏi nghiên cứu quan trọng mà luận án đã đề ra.

Không thể phủ nhận rằng, các công trình nghiên cứu kể trên đã giúp nghiên cứu sinh có một nền tảng kiến thức cơ bản, phong phú về chính sách đối ngoại của New Zealand và quan hệ đối ngoại của New Zealand với các quốc gia và các tổ chức trong khu vực Châu Á – Thái Bình Dương. Tuy nhiên, bên cạnh những điều đã tiếp thu được, Nghiên cứu sinh cũng nhận thấy còn một số vấn đề như sau:

*Thứ nhất*, tại Việt Nam, chưa có công trình nghiên cứu hệ thống, toàn diện nào về quan hệ giữa New Zealand và khu vực châu Á – Thái Bình Dương từ năm 1991 đến 2022. Do đó, luận án sẽ tập trung phân tích diễn tiến quan hệ giữa New Zealand và các quốc gia và khu vực châu Á – Thái Bình Dương trên các lĩnh vực chính trị - ngoại giao, kinh tế - thương mại, quốc phòng - an ninh và giáo dục, văn hóa, du lịch, và đối với các tổ chức trong khu vực.

*Thứ hai*, trong các công trình nghiên cứu ở nước ngoài, các học giả chưa chỉ ra hết được một số vấn đề tồn tại, một số tác động của quan hệ giữa New Zealand và khu vực châu Á – Thái Bình Dương đối với New Zealand, đối với khu vực Châu Á – Thái Bình Dương và đối với quan hệ quốc tế.

Tóm lại, một công trình nghiên cứu hệ thống, toàn diện về quan hệ giữa New Zealand và khu vực châu Á – Thái Bình Dương từ năm 1991 đến 2022 tới nay vẫn rất cần thiết, có ý nghĩa về khoa học và thực tiễn. Nhằm khắc phục những vấn đề còn tồn tại vừa trình bày, trên cơ sở tiếp thu có chọn lọc các nguồn tài liệu đã có, những gợi ý và kết quả nghiên cứu của nhiều học giả đi trước, luận án tiếp tục nghiên cứu với cách nhìn nhận cụ thể và hệ thống hơn. Tác giả luận án hi vọng sẽ đóng góp thêm được một nghiên cứu khách quan, hệ thống về quan hệ giữa New Zealand và khu vực châu Á – Thái Bình Dương từ năm 1991 đến năm 2022.

## **CHƯƠNG 2: CƠ SỞ CHO SỰ PHÁT TRIỂN CỦA QUAN HỆ GIỮA NEW ZEALAND VÀ KHU VỰC CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG (1991-2022)**

### **2.1. Cơ sở lý luận**

#### **2.1.1. Lí luận về chính sách đối ngoại của nước nhỏ**

Đưa ra các khái niệm về chính sách đối ngoại và đưa ra lí luận của các học giả về chính sách đối ngoại của nước nhỏ

Theo tác giả, Chính sách đối ngoại là những quyết định của Nhà nước, được xây dựng trên cơ sở lợi ích quốc gia, dân tộc; được thực hiện bằng nhiều biện pháp, trên nhiều lĩnh vực nhằm tác động vào các chủ thể bên ngoài phạm vi quốc gia để đạt được các mục tiêu về an ninh, phát triển và ảnh hưởng.

#### **\*Học thuyết nước nhỏ (học thuyết “nơi trú ẩn”)**

*Thứ nhất*, các quốc gia nhỏ có thể cải thiện bộ máy trong nước để phát triển thịnh vượng. *Thứ hai*, các quốc gia nhỏ kí kết các hiệp định và thỏa thuận bên ngoài để bù đắp cho những điểm yếu về cơ cấu của họ và hình thành các mối liên kết chặt chẽ với các quốc gia lớn hơn hoặc/và bằng cách gia nhập các tổ chức quốc tế. Các quốc gia nhỏ cần “nơi trú ẩn” chính trị (bao gồm cả quân sự), kinh tế và xã hội được cung cấp bởi các quốc gia lớn hơn hoặc/và các tổ chức đa phương, theo học thuyết “nơi trú ẩn”.

Các học giả đã chỉ ra bảy quan niệm và cách thức ứng xử phổ biến của các nước nhỏ trong thời kỳ hiện đại [Hoàng Khắc Nam, 2017, tr.221-230]: *Thứ nhất*, đa phần các nước nhỏ chọn lựa cách thức hợp tác hơn là đối đầu với các nước lớn. *Thứ hai*, các nước nhỏ thường thiên về hợp tác khu vực hơn là tham gia hợp tác toàn cầu. *Thứ ba*, các nước nhỏ đều tìm kiếm một hình thức hợp tác đa phương nào đó với các nước lớn bên cạnh việc duy trì quan hệ song phương để có thể hạn chế được sự chi phối. *Thứ tư*, các nước nhỏ thường hợp tác khu vực đồng thời với nhiều nước lớn khác nhau. *Thứ năm*, hợp tác khu vực của các nước nhỏ với nước lớn thiên về kinh tế-xã hội hơn là về an ninh-chính trị. *Thứ sáu*, các nước nhỏ thường đi tìm một hình thức thể chế hợp tác nào đó có những quy định có thể hạn chế được sự can thiệp và áp đặt của các nước lớn cũng như tận dụng được các nguồn lực và sự trợ giúp của các nước này. *Thứ bảy*, trong hợp tác khu vực, các nước nhỏ thường chấp nhận vai trò nổi trội hoặc thậm chí là sự lãnh đạo của nước lớn ở những mức độ khác nhau.

#### **2.1.2. Lí luận chung về chủ nghĩa khu vực**

**Tác giả đưa ra định nghĩa về khu vực, các tiêu chí phân định khu vực, các nội dung chính của chủ nghĩa khu vực và đưa ra các khái niệm và đặc điểm của chủ nghĩa khu vực.** Chủ nghĩa khu vực có thể được bao gồm ba nội dung chính với những biểu hiện khác nhau.

-*Nhận thức khu vực*: Nhận thức khu vực ở đây chính là ý thức về khu vực như không gian trực tiếp của mình. Bên cạnh đó, có thể có thêm ý thức về bản sắc tùy từng nơi. Ý thức khu vực ít nhất phải được phản ánh trong tư tưởng với nhu cầu gắn bó giữa các thành viên, ở một số nơi có thể có thêm sự phản ánh qua tình cảm khu vực. Trong tư tưởng khu vực, nhận thức về lợi ích chung khu vực là quan trọng nhất bởi đây là động lực và cái đích cho chủ nghĩa khu vực.

- *Hợp tác khu vực*: Hợp tác khu vực ở đây cần được hiểu là sự ưu tiên trong chính sách cũng như những cố gắng thực tiễn thúc đẩy hợp tác trên quy mô khu vực. Sự hợp tác này bao gồm cả phương diện song phương và đa phương. Đó phải là quá trình có tính hướng đích tới hội nhập khu vực. Nó có thể được phản ánh cả về phương diện thể chế hóa với hình thức tổ chức khu vực nào đó nhằm tạo điều kiện cho sự thúc đẩy hợp tác khu vực. Nó có thể diễn ra chỉ trên kênh nhà nước-nhà nước hoặc cả trên kênh nhân dân-nhân dân với sự tham gia của các chủ thể phi quốc gia.

- *Khu vực hóa*: Khu vực hóa ở đây là quá trình hình thành ngày càng nhiều các điểm chung có tính khu vực. Các điểm chung này có thể được thể hiện qua lợi ích chung và mục đích chung, qua sự củng cố bản sắc truyền thống và nảy sinh những bản sắc khu vực mới, qua sự phụ thuộc lẫn nhau ngày càng sâu sắc trong khu vực, qua sự phối hợp và liên kết khu vực ngày càng tăng,...

Khái niệm rộng về chủ nghĩa khu vực bao gồm cả ba nội dung kể trên. Trong trường hợp này, chủ nghĩa khu vực có thể là: “ý thức khu vực và những cố gắng thúc đẩy hợp tác khu vực nhằm thực hiện những lợi ích chung trong khu vực”.

#### **2.2. Cơ sở thực tiễn**

### **2.2.1. Quan hệ giữa New Zealand và khu vực châu Á – Thái Bình Dương trước năm 1991**

Trước năm 1991, quan hệ giữa New Zealand với khu vực châu Á – Thái Bình Dương được thiết lập trên các lĩnh vực an ninh và thương mại. Trên lĩnh vực an ninh, New Zealand đã kí Hiệp ước Quân đoàn Australia và New Zealand (ANZAC) và Hiệp ước An ninh Australia, New Zealand, Mỹ (ANZUS). Trên lĩnh vực thương mại, sau khi Anh gia nhập Cộng đồng kinh tế châu Âu EEC, New Zealand đã nỗ lực đa dạng hóa thương mại, phát triển các thị trường và liên kết thương mại mới đặc biệt là đối với Australia, Mỹ, Nhật Bản, Trung Quốc và ASEAN. Trong đó, đối tác có giá trị xuất khẩu cao nhất của New Zealand là Mỹ, sau đó đến Australia và Nhật Bản; ba đối tác có giá trị nhập khẩu cao nhất của New Zealand lần lượt là Australia, Mỹ và Nhật Bản.

### **2.2.2. Tình hình thế giới và khu vực**

#### **\*Tình hình thế giới**

Giai đoạn từ năm 1991 đến năm 2022, môi trường chính trị, an ninh và kinh tế toàn cầu có nhiều biến đổi. Thứ nhất, sự sụp đổ chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và các nước Đông Âu đầu thập niên 90 của thế kỷ XX làm cho cục diện thế giới và quan hệ quốc tế thay đổi một cách cơ bản. Chủ nghĩa xã hội hiện thực lâm vào thoái trào, phong trào công sản và công nhân quốc tế bị khủng hoảng sâu sắc, toàn diện. Cơ cấu địa – chính trị và sự phân bổ quyền lực toàn cầu bị đảo lộn, cán cân lực lượng trên thế giới nghiêng về phía có lợi cho chủ nghĩa tư bản.

#### **\*Tình hình khu vực châu Á – Thái Bình Dương (1991-2022)**

Kể từ sau khi Chiến tranh Lạnh kết thúc, khu vực châu Á-Thái Bình Dương phát triển năng động, xu hướng liên kết kinh tế phát triển mạnh. Về tổng thể, an ninh khu vực được củng cố, xu thế hợp tác khu vực đang khiến những bất đồng giữa các nước giảm đi, sự rủi ro tranh chấp an ninh cũng ít hơn. Sự tồn tại của các điểm nóng và các vấn đề an ninh truyền thống, phi truyền thống vẫn là thách thức của khu vực. Sự trỗi dậy của Trung Quốc, cạnh tranh Mỹ-Trung đã ảnh hưởng đến chính sách đối ngoại của New Zealand đối với khu vực.

### **2.2.3. Tình hình New Zealand**

#### **\*Các yếu tố dân tộc, tôn giáo, văn hóa và tình hình New Zealand**

New Zealand là một quốc gia tương đối nhỏ và khá biệt lập. Về mặt địa lý, New Zealand cách Australia khoảng 2.012 km về phía đông nam và bao gồm hai hòn đảo chính và một số hòn đảo nhỏ hơn. Đất nước này có dân số khoảng 4 triệu người và bị chi phối bởi hai nhóm *văn hóa*: Người New Zealand gốc Caucasian và người Maori gốc Polynesia [Infoplease New Zealand]. Theo lịch sử truyền miệng của người Maori, người Maori đến New Zealand khoảng 800 năm trước. New Zealand hiện có hai ngôn ngữ chính thức: tiếng Anh và tiếng Maori. Các khái niệm từ văn hóa Maori cũng đã được mở rộng sang luật pháp, chính sách và thể chế xã hội.

Sự định cư của người châu Âu ở New Zealand trong thế kỷ 19 đã dẫn đến Hiệp ước Waitangi năm 1840 giữa các đại diện của Vương quốc Anh và các thủ lĩnh Maori. Hiệp ước này đã hình thành nền tảng cho việc Anh sáp nhập New Zealand, nhưng các yêu sách đất đai xung đột đã dẫn đến “Chiến tranh New Zealand”. Thuộc địa New Zealand của Anh trở thành một quốc gia tự trị vào năm 1907 và vào năm 1947 có được quy chế của một quốc gia có chủ quyền, độc lập hoàn toàn.

Ý thức mới về bản sắc dân tộc đã bị ảnh hưởng nhiều hơn bởi nhiều mối liên kết mới mà New Zealand đang xây dựng với các khu vực khác của Thái Bình Dương và khu vực Châu Á – Thái Bình Dương. Những mối quan hệ này được thiết lập chủ yếu vì mục đích kinh tế và ngoại giao. Ngôn ngữ của khu vực này hiện đang được dạy ở các trường học ở New Zealand. Nhiều sinh viên đến từ các khu vực Châu Á - Thái Bình Dương đang theo học tại các trường đại học New Zealand. New Zealand là thành viên hàng đầu của Diễn đàn Quần đảo Thái Bình Dương (PIF) và là thành viên sáng lập của APEC. Tuy nhiên, việc tăng cường liên kết

với Châu Á và Thái Bình Dương kéo theo những thay đổi lớn trong dòng di cư đến và đi từ New Zealand.

Ngoài ra, mối liên hệ giữa người với người giữa New Zealand và phần còn lại của thế giới đã nhanh chóng mở rộng. Chi phí du lịch quốc tế giảm, lưu lượng điện thoại quốc tế tăng đều đặn và những tiến bộ đáng kinh ngạc trong công nghệ truyền thông như Internet đã khiến địa lý trở thành trở ngại ít hơn trước đây. Năm 2002, số lượng khách du lịch đến thăm New Zealand trong thời gian 12 tháng lần đầu tiên đã vượt mốc 2 triệu. Điều này xảy ra chỉ một thập kỷ sau khi New Zealand lần đầu tiên ghi nhận một triệu du khách trong một năm [Sunday Star Times, 2002]. Năm 2016, gần 3,5 triệu khách du lịch quốc tế đã đến thăm New Zealand trong năm đó [Thống kê New Zealand, 2017].

*Về văn hóa chính trị*, New Zealand là một xã hội dân chủ dựa trên truyền thống chính trị và pháp lý bắt nguồn từ mô hình quản trị nghị viện Westminster. Nội các là cơ quan ra quyết định chính sách đối ngoại chính thức, bao gồm các bộ trưởng cấp cao của đảng cầm quyền.

*Về tôn giáo*, New Zealand là quốc gia đa tôn giáo. New Zealand là một quốc gia đa văn hóa với các nhóm sắc tộc: New Zealand, Māori, Samoan, gốc Châu Âu, gốc Trung, gốc Ấn. Người dân nơi đây rất hiếu khách và thân thiện với du khách đến từ các dân tộc khác. Họ có thể dễ dàng kết bạn, xây dựng mối quan hệ và hội nhập xã hội giàu bản sắc văn hóa. Bên cạnh sự đa dạng sắc tộc, New Zealand là nơi có nhiều tôn giáo khác nhau. Thiên Chúa giáo là tôn giáo chiếm ưu thế ở New Zealand, tuy nhiên nhiều người cũng theo Ấn Độ giáo, Phật giáo, Hồi giáo...

*Về kinh tế*, quy mô nền kinh tế New Zealand vẫn còn khá nhỏ. Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) ước tính là 212,57 tỷ đô la Mỹ (2020), và nền kinh tế chủ yếu dựa vào nông nghiệp [World Bank]. Mặt hàng xuất khẩu chính hiện nay là len, thực phẩm và các sản phẩm từ sữa, gỗ và các sản phẩm giấy. Tài nguyên thiên nhiên bao gồm khí đốt tự nhiên, dầu, quặng sắt, cát, than đá, gỗ, thủy điện, vàng và đá vôi. Không có gì ngạc nhiên khi khả năng quân sự của New Zealand khá hạn chế. Đất nước này có một đội quân nhỏ nhưng được huấn luyện bài bản gồm 10.000 binh sĩ.

#### **2.2.4. Chính sách đối ngoại của New Zealand với khu vực châu Á – Thái Bình Dương (1991-2022)**

##### **\*Mục tiêu đối ngoại**

1. Tối đa hóa tác động của tư cách thành viên New Zealand đối với Hội đồng Bảo an.
2. Tăng khả năng tiếp cận thị trường, hội nhập kinh tế khu vực và cải thiện hiệu quả hoạt động quốc tế của các doanh nghiệp New Zealand.
3. Đưa New Zealand trở thành đối tác không thể thiếu và đáng tin cậy ở khu vực châu Á-Thái Bình Dương.
4. Tối đa hóa tác động từ sự tham gia của New Zealand trong việc cải thiện sự thịnh vượng, ổn định và khả năng phục hồi của khu vực Quần đảo Thái Bình Dương và người dân ở đây. Những gì xảy ra ở Thái Bình Dương có ảnh hưởng trực tiếp đến sự thịnh vượng của New Zealand.
5. Thúc đẩy các giải pháp quốc tế đúng đắn về biến đổi khí hậu, tài nguyên và bảo vệ môi trường.
6. Bảo vệ và nâng cao an ninh của New Zealand và người dân New Zealand.
7. Xây dựng năng lực tổ chức mạnh mẽ và lâu dài để mang lại sự tham gia quốc tế chặt chẽ và mạnh mẽ hơn.

##### **\*Nguyên tắc đối ngoại:**

Xuất phát từ lợi ích và mục tiêu đối ngoại, chính sách đối ngoại của New Zealand được xây dựng trên nguyên tắc bao trùm là: lập trường phi hạt nhân hóa, trọng tâm gìn giữ hòa bình và hỗ trợ nhân đạo của Lực lượng Phòng vệ New Zealand (NZDF), sự nhấn mạnh vào việc không phổ biến và giải trừ quân

bị, các vấn đề môi trường và hỗ trợ nhân đạo, và nhu cầu thực hiện một chiến lược mở rộng mạng lưới các thỏa thuận thương mại và an ninh với các đối tác truyền thống và phi truyền thống.

Chính phủ quyết tâm duy trì chính sách đối ngoại độc lập của New Zealand, được xây dựng trên sự đồng thuận của quốc gia và dựa trên lợi ích quốc gia tối cao. New Zealand giữ vững lập trường chính sách đối ngoại cho phép New Zealand tăng cường vị thế trên trường quốc tế trong khi vẫn duy trì truyền thống tự do dân chủ.

New Zealand ưu tiên chính sách đối ngoại chủ động tăng cường hội nhập, tự do hóa thị trường nội bộ và mở cửa thương mại bằng cách chuyển hướng chính sách thương mại, thúc đẩy các hiệp định thương mại tự do với các quốc gia khác.

Về an ninh, New Zealand kín đáo hợp tác chặt chẽ với các đồng minh truyền thống đặc biệt là trong các lĩnh vực tình báo và hoạt động đặc biệt. New Zealand cũng tham gia vào các nhiệm vụ gìn giữ hòa bình, quan sát viên và xây dựng quốc gia đa quốc gia trong khuôn khổ Liên hợp quốc và các tổ chức khu vực, đồng thời đã mở rộng mạng lưới các đối tác an ninh khu vực. Điều này cho phép nước này duy trì khoảng cách ngoại giao với các đồng minh an ninh truyền thống ngay cả khi nước này hợp tác với họ trong một số lĩnh vực mà hai bên cùng quan tâm. Điều đó củng cố giá trị của New Zealand với tư cách là một công dân quốc tế có trách nhiệm.

New Zealand nhấn mạnh đến việc xây dựng thể chế quốc tế, chủ nghĩa đa phương và các cách tiếp cận quyền lực mềm với trọng tâm là các mối quan tâm khu vực lân cận. New Zealand thúc đẩy các giải pháp đa phương cho các tranh chấp quốc tế, ưu tiên áp dụng một biện pháp ngoại giao. Trong sự kết hợp của các phương pháp tiếp cận chính sách đối ngoại, New Zealand đã củng cố vị thế, cùng với hình ảnh như một trọng tài trung thực và độc lập trong các tranh chấp quốc tế.

#### **\*Nhiệm vụ đối ngoại**

Nhiệm vụ đối ngoại chủ yếu của New Zealand được nêu rõ trong Mục tiêu chiến lược triển khai theo thứ tự ưu tiên như sau:

*Một là:* Mang lại các cơ hội kinh tế và thương mại quốc tế để hỗ trợ Chương trình nghị sự tăng trưởng kinh doanh

*Hai là:* Tăng cường quan hệ đối tác truyền thống

Australia và Mỹ là hai quốc gia đối tác truyền thống nằm trong khu vực châu Á – Thái Bình Dương. Quan hệ đối tác của New Zealand với các quốc gia Five Eyes (Mỹ, Anh, Canada, Úc, New Zealand) và các mối quan hệ an ninh và quốc phòng chặt chẽ, mang lại cho New Zealand một nền tảng để tăng cường vị thế và gây ảnh hưởng.

*Ba là:* Đặt ưu tiên cao cho các mối quan hệ ở khu vực Châu Á - Thái Bình Dương

New Zealand đặt ưu tiên phát triển các mối quan hệ trên khắp châu Á - Thái Bình Dương - khu vực này có tầm quan trọng về mặt địa chính trị và là một thị trường rất quan trọng để đạt được các mục tiêu tăng trưởng xuất khẩu của New Zealand. New Zealand muốn thể hiện là một đối tác đáng tin cậy trong nhiều lĩnh vực, bao gồm thương mại, phát triển, các vấn đề khu vực và các thách thức an ninh. New Zealand chủ trương đóng một vai trò là một thành viên quan trọng trong các diễn đàn châu Á-Thái Bình Dương. New Zealand cũng ưu tiên những mối quan hệ sâu sắc trên các lĩnh vực bao gồm thương mại, phát triển, giáo dục, văn hóa và du lịch với các quốc gia khu vực châu Á - Thái Bình Dương.

Một ưu tiên nữa của New Zealand ở châu Á-Thái Bình Dương là mục tiêu giải quyết các vấn đề bản địa, đặc biệt thông qua các hiệp ước dàn xếp với người Maori.

*Bốn là:* Nâng cao hiệu quả và sự gắn kết trong ngoại giao và phát triển của New Zealand ở Thái Bình



Dương

Thái Bình Dương có tầm quan trọng chiến lược đối với New Zealand, cả về vị trí gần gũi, mối quan hệ lâu dài và lịch sử với các quốc gia Thái Bình Dương, dòng dân cư và cư dân ở một số Quần đảo Thái Bình Dương (Quần đảo Cook, Niue và Tokelau) là công dân New Zealand.

*Năm là:* Các thể chế đa phương

Là một quốc gia nhỏ, New Zealand luôn mong muốn trở thành một phần của hệ thống quốc tế, khuyến khích các quốc gia hợp tác vì lợi ích chung và tuân theo các quy tắc và luật pháp quốc tế. Tham gia vào các thể chế đa phương trong khu vực châu Á – Thái Bình Dương, New Zealand có thể nâng cao vị thế quốc gia trên trường quốc tế. New Zealand có thể thể hiện tiếng nói của mình trong rất nhiều vấn đề liên quan đến lợi ích quốc gia chẳng hạn như giải trừ vũ khí, hiệp ước chống khủng bố, môi trường, biến đổi khí hậu và an ninh.

## **Tiểu kết chương 2**

Sau chiến tranh lạnh, với tư cách là những chủ thể chính trong quan hệ quốc tế, New Zealand và khu vực châu Á – Thái Bình Dương vẫn chịu những tác động từ những nhân tố ngoại sinh và nội sinh. Để hiểu được quan hệ giữa New Zealand và khu vực châu Á – Thái Bình Dương, trước hết phải nghiên cứu cơ sở lý luận. Luận án sử dụng tổng hợp các lý thuyết quan hệ quốc tế, nghiên cứu cơ sở lý luận về chính sách đối ngoại, chính sách đối ngoại của nước nhỏ, lý luận chung về chủ nghĩa khu vực. Có thể thấy, những nhân tố nội sinh, đặc biệt là những vấn đề lịch sử, luôn có tính quyết định đối với mối quan hệ này. Chính sự tương tác giữa những nhân tố bên trong và bên ngoài sẽ tạo ra thuận lợi hay thách thức và quyết định đến chiều hướng phát triển của quan hệ giữa New Zealand và khu vực châu Á – Thái Bình Dương. Bên cạnh cơ sở lý luận về chiến lược quốc gia của nước nhỏ và lý luận về chủ nghĩa khu vực, những nhân tố kể trên là cơ sở thực tiễn rất quan trọng để phân tích diễn biến, sự tiến triển trong quan hệ song phương và đa phương giữa New Zealand và các quốc gia và các tổ chức trong khu vực châu Á – Thái Bình Dương trên tất cả các lĩnh vực mà luận án đề cập tới ở chương ba.

## **CHƯƠNG 3: THỰC TRẠNG QUAN HỆ GIỮA NEW ZEALAND VÀ KHU VỰC CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG (1991-2022)**

### **3.1. Quan hệ với các nước láng giềng**

#### **3.1.1. Quan hệ với Australia**

Mối quan hệ Úc-New Zealand đã được quốc gia này sử dụng để mô tả quốc gia kia thường là “tình anh em”, “mối quan hệ gia đình thân thiết”, “giá trị chung” và “sự hợp tác”.

#### **3.2.1.2. Quan hệ các quốc đảo Thái Bình Dương**

PIC là những nước láng giềng gần gũi nhất của New Zealand, họ rất quan trọng đối với an ninh của New Zealand và từ lâu đã trở thành khu vực cạnh tranh địa chính trị. New Zealand có các mối liên kết chính trị, kinh tế, xã hội, thể thao và văn hóa phức tạp trong khu vực Thái Bình Dương.

### **3.2. Quan hệ đối với các nước lớn trong khu vực châu Á – Thái Bình Dương**

#### **3.2.1. Quan hệ với Mỹ**

New Zealand là một đối tác và là đồng minh của Hoa Kỳ. Quan hệ ngoại giao giữa New Zealand và Hoa Kỳ chính thức được thiết lập vào năm 1942. Hoa Kỳ và New Zealand chia sẻ các yếu tố chung về lịch sử và văn hóa, đồng thời cam kết tuân thủ các nguyên tắc dân chủ và trật tự quốc tế dựa trên luật lệ. Mối quan hệ song phương giữa Hoa Kỳ và New Zealand rất rộng lớn và sâu sắc. Chính phủ New Zealand coi trọng việc tiếp tục duy trì mối quan hệ chặt chẽ về chính trị, kinh tế và xã hội với Hoa Kỳ.

#### **3.2.2. Quan hệ với Trung Quốc**

Kể từ sau Chiến tranh Lạnh, quan hệ Trung Quốc – New Zealand đã có những bước phát triển vượt bậc.

Nhiều kết nối của New Zealand với Trung Quốc đa dạng hơn bất kỳ thời điểm nào khác trong lịch sử. Trong bối cảnh sự trỗi dậy của Trung Quốc ở khu vực châu Á-Thái Bình Dương, New Zealand cần duy trì một chính sách đối ngoại độc lập để bảo vệ lợi ích chủ quyền quốc gia trong khi cân bằng an ninh kinh tế và duy trì mối quan hệ tôn trọng với một cường quốc như Trung Quốc.

Bất chấp nhiều khác biệt, New Zealand và Trung Quốc đã duy trì mối quan hệ phong phú và phức tạp trong lịch sử lâu dài, đặc biệt là sau Chiến tranh Lạnh. Trong giai đoạn hiện nay, quan hệ chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và thậm chí cả quân sự của New Zealand với Trung Quốc rất mạnh mẽ và đang phát triển theo chiều hướng tích cực. Nhiều kết nối của New Zealand với Trung Quốc đa dạng hơn bất kỳ thời điểm nào khác trong lịch sử. Mặc dù vẫn còn những thách thức đối với một quốc gia nhỏ như New Zealand, phụ thuộc vào việc thiết lập các mối quan hệ tích cực với các cường quốc như Trung Quốc, là một vấn đề sống còn về chính trị. Là một quốc gia nhỏ, New Zealand nên tiếp tục phát triển mối quan hệ mang tính xây dựng, cùng có lợi với Trung Quốc trong nhiều năm tới. Điều này càng có cơ hội xảy ra nếu New Zealand tiếp tục duy trì nguyên tắc “tìm kiếm điểm chung” khi “đối mặt với sự khác biệt”.

### **3.2.3. Quan hệ với Nhật Bản**

Trong bối cảnh cạnh tranh khu vực giữa Trung Quốc, Ấn Độ, Nhật Bản và Hoa Kỳ trong khu vực, việc duy trì lập trường chính sách đối ngoại dựa trên quan hệ tốt với tất cả các đối tác lớn có thể trở nên khó khăn hơn. Đây cũng sẽ là một thách thức đối với New Zealand để đảm bảo một khu vực cạnh tranh hơn không biến thành một khu vực bị chia rẽ. Việc theo đuổi mối quan hệ gần gũi hơn với Nhật Bản và với các cường quốc hạng trung đang lên trong khu vực sẽ cung cấp cho New Zealand các công cụ mới để tăng cường quyền tự chủ của mình trong bối cảnh cạnh tranh Mỹ-Trung ở khu vực châu Á-Thái Bình Dương.

### **3.2.4. Quan hệ với Ấn Độ**

Tầm quan trọng địa chính trị, địa chiến lược ngày càng tăng của Ấn Độ và sự cởi mở với thế giới đã giúp Ấn Độ trở thành đối tác của New Zealand. New Zealand đặt mục tiêu phát triển mối quan hệ đối tác toàn diện với Ấn Độ vào năm 2015, trong đó sẽ tập trung vào mối quan hệ kinh tế và chính trị [New Zealand Ministry of foreign Affairs & Trade, 2013]. Cả hai nước đang thực hiện các bước vững chắc để thể chế hóa quan hệ đối tác của họ và đang kết hợp các khía cạnh kinh tế, chính trị, văn hóa và chiến lược trong mối quan hệ song phương.

### **3.2.5. Quan hệ với Liên bang Nga**

Nga là quốc gia lớn nhất theo diện tích đất liền trên thế giới, trải dài trên hai lục địa. Nga có dân số hơn 140 triệu người. Quốc gia này có vô số tài nguyên thiên nhiên, bao gồm cả trữ lượng dầu và khí đốt. Quốc gia này cũng có quân đội, hải quân, không quân hùng mạnh và là một quốc gia hạt nhân. Nga cũng là một thành viên thường trực của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc với quyền phủ quyết. Là một quốc gia nhỏ, New Zealand ở trong một thế giới bị thống trị bởi các cường quốc, trong đó có Nga.

Nga không phải là một đặc điểm quan trọng trong chính sách đối ngoại của New Zealand nhưng Nga đang trở nên tích cực hơn trong các khu vực quan tâm chính của New Zealand. Điều này có nghĩa là New Zealand sẽ cần phát triển quan hệ với Nga một cách thận trọng. Nga sẽ là một nhân tố quan trọng trong chính sách đối ngoại của New Zealand trong những thập kỷ tới. Mối quan hệ New Zealand-Nga có thể tạo ra những lợi ích đáng ngạc nhiên cho cả hai bên, nhưng Nga cũng có khả năng phá vỡ các mục tiêu của New Zealand trong các vấn đề quốc tế.

## **3.3. Quan hệ với các tổ chức khu vực**

### **3.3.1. Quan hệ với ASEAN**

Nền tảng của sự tham gia của New Zealand với cấu trúc khu vực Châu Á Thái Bình Dương là mối quan hệ hơn 40 năm của New Zealand với ASEAN và cộng đồng ngoại giao của New Zealand đã không ngừng nỗ lực để tham gia với nhóm các nước ASEAN trong các lĩnh vực chính sách sâu hơn và rộng hơn. Trong những năm gần đây, ASEAN đã trở thành tâm điểm cho sự kết nối của New Zealand với kiến trúc kinh tế và an ninh của Châu Á. Quan hệ của New Zealand với ASEAN là thực chất và nhiều mặt. Chúng bao gồm hợp tác chính trị-an ninh và kinh tế, cùng với một loạt các mối quan hệ giao lưu nhân dân ngày càng mở rộng và đã được thể chế hóa đều đặn theo thời gian.

### **3.3.2. Quan hệ với các diễn đàn đa phương khác**

APEC đại diện cho 71% thương mại hai chiều của New Zealand. Năm 2022, 69,87% tổng xuất khẩu của New Zealand đến các thành viên APEC, trong khi 77,1% nhập khẩu đến từ các nền kinh tế trong APEC đó. Mười bốn trong số 20 thị trường xuất khẩu hàng đầu của chúng tôi là thành viên APEC, bao gồm ba nền kinh tế lớn nhất thế giới - Hoa Kỳ, Trung Quốc và Nhật Bản.

Liên quan đến hội nhập kinh tế khu vực rộng lớn hơn, theo Kế hoạch Hành động, New Zealand và các thành viên ASEAN cũng đã cam kết theo đuổi và thực hiện "Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực [RCEP] hiện đại, toàn diện, chất lượng cao và cùng có lợi ... [điều đó] đưa ra những cải tiến đáng kể đối với các FTA ASEAN +1". Tầm quan trọng của RCEP đã được nhắc lại tại Hội nghị hậu Bộ trưởng + 1 phiên họp với New Zealand vào tháng 8 năm 2017 khi nhất trí rằng việc kết thúc nhanh chóng các cuộc đàm phán cho một RCEP chất lượng cao sẽ mang lại lợi ích cho cả Hiệp hội và New Zealand.

Ưu tiên khác trong vấn đề này là thực hiện Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP). Sau khi Hoa Kỳ rút khỏi TPP, 11 quốc gia còn lại sau đó đã ký Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) vào ngày 8 tháng 3 năm 2018 tại Chile.

Trong năm kết thúc vào tháng 12 năm 2022, New Zealand đã xuất khẩu tổng cộng 25,22 tỷ USD hàng hóa và dịch vụ sang CPTPP và nhập khẩu 35,15 tỷ USD, tương ứng với cán cân thương mại -9,93 tỷ USD và tổng giá trị thương mại là 60,37 tỷ USD.

Ngân hàng Đầu tư Cơ sở hạ tầng châu Á (AIIB) là một tổ chức tài chính quốc tế đang trong quá trình thành lập với mục tiêu là hỗ trợ việc xây dựng cơ sở hạ tầng ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Tổ chức này là sáng kiến của chính quyền Trung Quốc. New Zealand là quốc gia phương Tây đầu tiên tham gia ngân hàng Đầu tư Cơ sở hạ tầng Châu Á AIIB vào năm 2015. Chính phủ New Zealand đầu tư 87,27 triệu USD vào ngân hàng này trong vòng 5 năm. New Zealand khẳng định việc tăng cường đầu tư vào cơ sở hạ tầng sẽ tăng cường kết nối về đầu tư, kinh tế và thương mại giữa New Zealand và khu vực châu Á – Thái Bình Dương.

### **Tiểu kết chương 3**

Từ năm 1991 đến năm 2022, New Zealand đã điều chỉnh chính sách đối ngoại, ưu tiên khu vực châu Á – Thái Bình Dương, nhằm thực hiện mục tiêu chiến lược là đảm bảo hòa bình, ổn định và hợp tác trong khu vực và trên thế giới, qua đó, tạo môi trường thuận lợi cho phát triển, tăng cường thực lực đồng thời nâng cao vị thế quốc tế trên cơ sở đường lối không liên kết, phi hạt nhân, góp phần vào nền hòa bình trong khu vực và trên thế giới. Quan hệ giữa New Zealand và các quốc gia và các tổ chức trong khu vực châu Á – Thái Bình Dương có nhiều chuyển biến tốt đẹp, tạo điều kiện để New Zealand có điều kiện để phát triển về mọi mặt, nâng cao vị thế trên trường quốc tế.

Sự hợp tác chặt chẽ giữa New Zealand với các quốc gia và các tổ chức trong khu vực châu Á – Thái Bình Dương không chỉ góp phần làm thịnh vượng và tiến bộ đối với New Zealand và các quốc gia có mối quan hệ song phương với New Zealand trong khu vực mà còn góp phần duy trì hòa bình, ổn định và phát triển trong khu vực, đồng thời đã đóng góp thêm và làm phong phú hơn cho việc hình thành mô hình hợp tác mới trong quan hệ quốc tế đương đại.

## CHƯƠNG 4: NHẬN XÉT, XU HƯỚNG QUAN HỆ VÀ HÀM Ý CHO VIỆT NAM

### 4.1. Kết quả và hạn chế

#### 4.1.1. Kết quả

*Một là*, quan hệ giữa New Zealand và khu vực Châu Á – Thái Bình Dương góp phần đảm bảo độc lập, chủ quyền, tăng cường an ninh quốc gia, tạo môi trường hòa bình ổn định để phát triển kinh tế.

*Hai là*, quan hệ giữa New Zealand và khu vực châu Á – Thái Bình Dương góp phần thúc đẩy xây dựng môi trường hòa bình, ổn định để New Zealand có thể tập trung phát triển kinh tế. Các cải cách kinh tế, ổn định chính trị, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa đặc thù, thực hiện chính sách đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ đối ngoại, tạo lập môi trường hòa bình ổn định nhằm phục vụ công cuộc cải cách kinh tế toàn diện, phát hieu tối đa vai trò của New Zealand trong khu vực châu Á – Thái Bình Dương nói riêng và trên thế giới.

*Ba là*, quan hệ đối ngoại đa phương rộng mở của New Zealand đối với khu vực châu Á – Thái Bình Dương giúp New Zealand nâng cao được vị thế quốc gia, tích cực tham gia hội nhập khu vực, trở thành một đối tác quan trọng của các nước trong khu vực châu Á – Thái Bình Dương.

New Zealand đã đạt được rất thành tựu trong quan hệ với khu vực châu Á – Thái Bình Dương kể từ sau chiến tranh Lạnh. Thành công này là do nước này áp dụng cách tiếp cận chính sách đối ngoại chính thống có nguồn gốc từ một lịch sử lâu dài về độc lập trong các vấn đề quốc tế. Một mặt, New Zealand tái khẳng định nhiều nguyên lý về hành vi của các quốc gia nhỏ. New Zealand nhấn mạnh đến việc xây dựng thể chế quốc tế, chủ nghĩa đa phương và các cách tiếp cận quyền lực mềm với trọng tâm là các mối quan tâm là khu vực châu Á – Thái Bình Dương. Về thương mại, New Zealand phát triển bởi những đánh giá thực dụng về các cơ hội thị trường. Về an ninh, New Zealand cam kết gìn giữ hòa bình và xây dựng quốc gia của Liên hợp quốc và khu vực, nhưng cũng duy trì tình báo chặt chẽ và quân đội để quan hệ quân sự với các đồng minh để tăng cường an ninh quốc gia.

#### 4.1.2. Hạn chế

Hợp tác kinh tế, thương mại sẽ mang lại lợi ích cho các chủ thể tham gia, điều này đã được chứng minh bằng cả thực tiễn và lí luận. Tuy nhiên, trong hợp tác kinh tế, lợi ích không phải lúc nào cũng chia đều cho các bên. *Vấn đề tồn tại thứ nhất* là thâm hụt thương mại giữa New Zealand và khu vực châu Á – Thái Bình Dương. Từ năm 2021 đến năm 2022, cán cân thương mại dần nghiêng về phía APEC. Năm 2022, mức thâm hụt thương mại của New Zealand và khu vực châu Á – Thái Bình Dương là -7,23 tỉ đô.

### 4.2. Đặc điểm quan hệ New Zealand - khu vực châu Á – Thái Bình Dương (1991-2022)

Trên cơ sở phân tích quan hệ giữa New Zealand và khu vực châu Á – Thái Bình Dương trên các lĩnh vực từ năm 1991 đến năm 2022, có thể rút ra một số đặc điểm về quan hệ như sau:

*Thứ nhất*, so với giai đoạn trước năm 1991, New Zealand thành công hơn trong việc đạt được sự cân bằng hợp lý giữa việc duy trì chính sách đối ngoại độc lập và tôn trọng lợi ích của các nước lớn ở khu vực châu Á – Thái Bình Dương. *Thứ hai*, giá trị thương mại - đầu tư của New Zealand với các nước trong khu vực châu Á – Thái Bình Dương tăng mạnh với các ưu tiên trong quan hệ thương mại – đầu tư với các nước trong khu vực có thay đổi so với giai đoạn trước năm 1991. *Thứ ba*, quan hệ giữa New Zealand và khu vực châu Á – Thái Bình Dương đã phát triển liên tục, ổn định, đem lại nhiều thành tựu trên các lĩnh vực hợp tác. *Thứ tư*, tuy New Zealand đẩy mạnh quan hệ song phương với các quốc gia trong khu vực châu Á – Thái Bình Dương, quan hệ song phương giữa New Zealand với các quốc gia trong khu vực có mức độ hợp tác khác nhau và khác nhau trên các lĩnh vực hợp tác. *Thứ năm*, là một nước nhỏ, New Zealand hợp tác với khu vực châu Á – Thái Bình Dương ưu tiên hơn về kinh tế - xã hội hơn là an ninh - chính trị. *Thứ sáu*, tính chất mở của chủ nghĩa khu vực được thể hiện rõ trong quan hệ giữa New Zealand và khu vực châu Á – Thái Bình Dương. *Thứ bảy*,

New Zealand là một nước nhỏ nên trong quan hệ với khu vực châu Á – Thái Bình Dương, New Zealand tích cực tham gia các hợp tác đa phương bên cạnh việc duy trì quan hệ song phương để có thể hạn chế sự chi phối của các cường quốc. Tổng hợp lại, New Zealand đã thể hiện đặc trưng của quốc gia nhỏ là định hướng quốc tế chủ nghĩa, nhấn mạnh về mặt đạo đức trong chính sách đối ngoại, ủng hộ mạnh mẽ chủ nghĩa đa phương và hệ thống quốc tế dựa trên luật lệ, [John Henderson, 1991].

Các hoạt động của New Zealand ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương rất sâu rộng và mạnh mẽ. New Zealand đã tham gia trên các mặt trận song phương và đa phương trong khu vực này và đã thiết lập mối quan hệ với các đối tác chiến lược của New Zealand. Ngoài ra, vị trí của New Zealand trong Hội đồng Bảo an đã củng cố hơn nữa sự liên quan và mối quan hệ của nước này với nhiều nước láng giềng Thái Bình Dương của New Zealand. Việc cải thiện các mối quan hệ sẽ gián tiếp hỗ trợ cho sự thịnh vượng, sự phát triển kinh tế của khu vực châu Á – Thái Bình Dương. New Zealand góp phần thúc đẩy lợi ích an ninh thông qua việc đại diện cho lợi ích của New Zealand trong các mối quan hệ song phương và đa phương, tư cách thành viên trong mạng lưới an ninh, hỗ trợ tham gia gìn giữ hòa bình và quốc phòng. New Zealand có quan hệ đối tác với các quốc gia Ngũ Nhân, tham gia vào việc quản trị hệ thống đó ở nhiều cấp độ khả năng kết nối, sự tham gia và thông tin tình báo thông qua mạng lưới toàn cầu và sự tham gia của New Zealand vào các cơ quan quốc tế, cho phép New Zealand tác động đến quan điểm toàn cầu và khu vực về các vấn đề an ninh, thương mại và nhân đạo. Việc New Zealand tham gia trong Hội đồng Bảo an đã được sử dụng tích cực để thúc đẩy hành động về các vấn đề an ninh và nhân đạo.

#### **4.3. Tác động của quan hệ giữa New Zealand và khu vực châu Á – Thái Bình Dương đến quan hệ Việt Nam – New Zealand**

Không phải là một nước lớn nhưng Việt Nam lại nằm ở vị trí quan trọng trong khu vực Đông Nam Á, và có vị thế ngày càng cao trong khu vực, quan hệ giữa New Zealand và khu vực châu Á – Thái Bình Dương cũng có tác động tới Việt Nam. Quan hệ giữa New Zealand và khu vực châu Á-Thái Bình Dương góp phần thúc đẩy quan hệ song phương New Zealand và Việt Nam phát triển.

#### **4.4. Dự báo quan hệ giữa New Zealand và khu vực châu Á – Thái Bình Dương**

##### **4.4.1. Cơ sở dự báo**

##### **\* Tình hình thế giới**

Một số sự kiện đã xảy ra và thay đổi tình hình thế giới: sự phục hồi toàn cầu sau đại dịch COVID-19; chiến dịch quân sự đặc biệt của Nga tại Ukraine; điều kiện kinh tế khó khăn; những tiến bộ nhanh chóng trong công nghệ mới nổi; và những tác động tiêu cực ngày càng nghiêm trọng của biến đổi khí hậu, bao gồm cả ở khu vực Thái Bình Dương. Thế giới có ba “sự thay đổi lớn” xảy ra trong trật tự quốc tế. Thứ nhất, sự chuyển đổi từ luật lệ sang quyền lực - sự chuyển đổi hướng tới một “thế giới đa cực”, được đặc trưng bởi một thời kỳ trong đó các luật lệ bị tranh chấp nhiều hơn và quyền lực tương đối giữa các quốc gia đóng vai trò lớn hơn trong việc định hình các vấn đề quốc tế. Thứ hai, sự chuyển đổi từ kinh tế sang an ninh - một sự thay đổi trong đó các mối quan hệ kinh tế được đánh giá lại trong bối cảnh cạnh tranh quân sự ngày càng gia tăng trong một thế giới an ninh kém ổn định hơn. Thứ ba, sự chuyển đổi từ hiệu quả sang khả năng phục hồi - sự thay đổi trong động lực của hành vi kinh tế, trong đó việc xây dựng khả năng phục hồi cao hơn, giải quyết các vấn đề xã hội và bền vững cấp bách trở nên nổi bật hơn.

##### **\* Tình hình khu vực châu Á – Thái Bình Dương**

Chiếm gần một nửa dân số thế giới, châu Á – Thái Bình Dương là thị trường lớn nhất toàn cầu, tập trung 3/5 nền kinh tế hàng đầu là Mỹ, Trung Quốc và Nhật Bản, ngoài ra còn có 4 nền kinh tế lớn khác là Hàn Quốc, Australia, Ấn Độ và Indonesia, hợp thành 7 thành viên của G20 – nhóm 20 nền kinh tế lớn nhất thế giới. Nghiên cứu của tổ chức Khảo sát

Thị trường Quốc tế BMI cho thấy, đến năm 2030, châu Á sẽ trở thành khu vực chiếm tỉ trọng lớn nhất trong GDP toàn cầu, vào khoảng 40%. Trung Quốc sẽ chiếm một nửa số đó, ngang bằng với Bắc Mỹ và châu Âu. Viện Brookings (Mỹ) dự báo đến năm 2030, châu Á – Thái Bình Dương là thị trường tiêu thụ lớn nhất thế giới với 3.5 tỉ người thuộc tầng lớp trung lưu, lớn hơn tất cả các khu vực khác cộng lại và sẽ quyết định xu hướng vận động của thị trường toàn cầu [ADB, 2018].

Châu Á – Thái Bình Dương cũng tiếp tục là nơi tập trung nhất các tranh chấp, bất đồng phức tạp, tiềm ẩn nguy cơ dẫn đến xung đột, trong đó có các điểm nóng Biển Đông, Biển Hoa Đông, Eo biển Đài Loan, Bán đảo Triều Tiên, li khai, khủng bố mang màu sắc dân tộc, tôn giáo và ngay cả một số thách thức an ninh phi truyền thống như an ninh mạng, biến đổi khí hậu, an ninh nguồn nước, năng lượng... Việc tìm ra được giải pháp hòa bình, xử lý triệt để những căng thẳng ở khu vực này một cách hòa bình từ nay đến năm 2030 là rất khó xảy ra.

Trong thập niên tới, hợp tác vẫn là xu thế nổi trội, với mức độ tùy thuộc lẫn nhau gia tăng, tuy nhiên cạnh tranh cũng gay gắt, quyết liệt hơn. Cạnh tranh chiến lược nước lớn xoay quanh trục Mỹ - Trung Quốc đang nổi lên, được cả Mỹ và Trung Quốc đều nhận định rằng, quan hệ Mỹ - Trung Quốc là đối đầu dài hạn. Nga thực hiện “chiến dịch quân sự đặc biệt” ở Ukraine, cùng với việc kinh tế và quan hệ đối ngoại gặp nhiều khó khăn do các lệnh trừng phạt của Mỹ và phương Tây. Mặc dù vậy, cùng với Mỹ và Trung Quốc, Nga vẫn là một trong ba cường quốc có sức chi phối, ảnh hưởng lớn nhất đến quan hệ quốc tế. Trong bối cảnh hiện nay, Trung Quốc và Nga có xu hướng ngày càng liên kết chặt chẽ, thách thức vai trò lãnh đạo toàn cầu của Mỹ.

Châu Á – Thái Bình Dương sẽ phải đối mặt với một số vấn đề nghiêm trọng đòi hỏi các quốc gia phải nỗ lực hợp tác đối phó, trong đó có tội phạm mạng, tội phạm xuyên quốc gia, khủng bố, biến đổi khí hậu, đại dịch và nhiều mối đe dọa khác.

Sự trỗi dậy của chủ nghĩa dân túy với sự thay đổi về chất, trở thành một xu thế đề cao chủ nghĩa bảo hộ, chủ nghĩa dân tộc cực đoan đang ngăn cản xu thế hợp tác, làm xấu đi tình hình an ninh, ổn định tại khu vực. “Dân túy” cũng làm trầm trọng hơn yêu cầu của một số cường quốc đòi xóa bỏ trật tự đã có, thiết lập trật tự mới ở khu vực và thế giới, xác lập địa vị cao hơn cho quốc gia mình. “Dân túy” cũng kích động mạnh mẽ hơn xu hướng li khai đòi “độc lập”, làm mất ổn định nghiêm trọng tại nhiều khu vực, như châu Âu với Brexit.

Để đối phó, các quốc gia có thể lựa chọn chính sách tăng cường năng lực quân sự, quốc phòng như trường hợp Triều Tiên, Iran, Trung Quốc, Nga, Nhật Bản và nhiều nước trong khu vực tăng nhanh ngân sách quốc phòng để chế tạo, mua sắm vũ khí hiện đại. Thực tế trên không chỉ cản trở tiến trình hợp tác, liên kết mà còn tác động nghiêm trọng đến sự ổn định và phát triển bền vững của khu vực.

Ngoài ra, tiến bộ của khoa học – công nghệ cũng làm thay đổi quan hệ quốc tế nói chung và khu vực châu Á – Thái Bình Dương nói riêng. “Cách mạng Công nghiệp 4.0” không những tác động mạnh mẽ đến sự phát triển của kinh tế thế giới mà còn làm thay đổi quan hệ quốc tế ở phạm vi toàn cầu nói chung và khu vực châu Á – Thái Bình Dương nói riêng.

Quốc gia nào dẫn đầu về công nghệ sẽ chiếm ưu thế trong trật tự quan hệ quốc tế mới. Trung Quốc hiện đi tiên phong trên lĩnh vực sáng tạo và ứng dụng tiến bộ khoa học – công nghệ, trí tuệ nhân tạo và đạt được những thành công quan trọng. Trung Quốc cũng tìm cách thay thế Mỹ đi đầu, dẫn dắt các tiến trình liên kết quốc tế tại khu vực châu Á – Thái Bình Dương, phát huy sức mạnh tổng hợp vượt trội hiện có và đang gia tăng ảnh hưởng to lớn thông qua tập hợp lực lượng theo cấu trúc “đàn sếu bay”, nhất là nhằm vào các quốc gia có nền kinh tế nhỏ, chậm phát triển. Trung Quốc cũng sử dụng sức mạnh đó với Nhật Bản, Ấn Độ, Australia, Hàn Quốc... để cản trở hoặc vô hiệu hóa nỗ lực của Mỹ thiết lập liên minh “Bộ Tứ”.

#### \* **Tình hình New Zealand**

Giai đoạn đến năm 2035 sẽ là khoảng thời gian bất ổn và phức tạp hơn đối với New Zealand. New Zealand sẽ cần phải giải quyết một loạt các mối đe dọa toàn cầu và rủi ro gia tăng trong bối cảnh chiến lược khác biệt cơ bản. Chính sách đối ngoại sẽ cần phải thay đổi để phản ánh thực tế mới này và Bộ sẽ cần hiểu những thách thức và cơ hội đối với New Zealand.

Lợi ích chính sách đối ngoại của New Zealand có thể được xem xét qua lăng kính của năm lĩnh vực chính. Tất cả đều bị ảnh hưởng bởi thế giới đang thay đổi.

New Zealand có các lợi ích và mục tiêu về chính sách đối ngoại, thương mại và phát triển trong từng lĩnh vực:

- Toàn cầu: New Zealand tìm kiếm hành động toàn cầu thành công về các vấn đề khí hậu, môi trường, và tính bền vững vì lợi ích của thế hệ tương lai.
- Hòa bình: New Zealand tìm cách duy trì chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, bao gồm quyền tự do khỏi sự can thiệp và ép buộc của nước ngoài; cũng như sự ổn định và an ninh ở khu vực Thái Bình Dương và trên toàn cầu.
- Thịnh vượng: New Zealand tìm kiếm các điều kiện và kết nối toàn cầu nhằm hỗ trợ khả năng phục hồi kinh tế và sự thịnh vượng lâu dài của New Zealand cũng như của các đối tác Thái Bình Dương.
- Con người: New Zealand tìm kiếm các điều kiện và kết nối toàn cầu nhằm thúc đẩy các giá trị tự do và cải thiện phúc lợi của người dân.
- Quan hệ đối tác: New Zealand tìm kiếm chủ nghĩa đa phương hiệu quả cho phép giải quyết các vấn đề toàn cầu dựa trên nguyên tắc hòa bình và duy trì sự ổn định trong các quy tắc và chuẩn mực toàn cầu; cũng như một tập hợp các mối quan hệ và quan hệ đối tác phù hợp với mục đích hỗ trợ cho lợi ích quốc gia của New Zealand.

#### **4.4.2. Xu hướng quan hệ giữa New Zealand và khu vực châu Á – Thái Bình Dương**

Một là, New Zealand sẽ củng cố và thúc đẩy ngoại giao đa phương và ngoại giao song phương trong khu vực Châu Á – Thái Bình Dương. New Zealand sẽ tham gia tích cực vào hệ thống đa phương và các diễn đàn khác nhau trong khu vực châu Á – Thái Bình Dương.

Hai là, New Zealand sẽ tiếp tục ưu tiên hàng đầu cho các nước lớn và cũng là các nước đối tác truyền thống trong khu vực là Australia và Mỹ.

Ba là, New Zealand sẽ tiếp tục là một quốc gia tích cực ở khu vực Thái Bình Dương. New Zealand chia sẻ quá khứ và tương lai với các quốc gia ở Thái Bình Dương. New Zealand có mối quan tâm chung sâu sắc trong việc củng cố chiều rộng, chiều sâu và khả năng phục hồi khu vực, các chuẩn mực, sự gắn kết, thịnh vượng và ổn định của khu vực.

Bốn là, New Zealand tăng cường hiện diện và can dự vào các cấu trúc khu vực tại châu Á – Thái Bình Dương. Dự báo trong thời gian tới New Zealand sẽ tiếp tục hợp tác với nhiều đối tác đa dạng trên khắp Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương. New Zealand cũng thường hợp tác với các nhóm quốc gia, bao gồm các quốc đảo Thái Bình Dương, các quốc gia đảo nhỏ đang phát triển. ASEAN sẽ tiếp tục là đối tác quan trọng của New Zealand trong khu vực. New Zealand hợp tác với nhiều tổ chức trong nước và quốc tế để hợp tác phát triển quốc tế và chính sách đối ngoại. New Zealand sẽ củng cố các mối quan hệ đối tác trong khu vực Châu Á – Thái Bình Dương như Nhật Bản và Hàn Quốc, các quốc đảo Thái Bình Dương, các quốc gia nhỏ có nền kinh tế tiên tiến.

Năm là, đối với Việt Nam. New Zealand và Việt Nam cùng có cách tiếp cận chung trong chính sách kinh tế và thương mại cũng như ủng hộ trật tự quốc tế dựa trên luật lệ, cởi mở, minh bạch và tăng trưởng bao trùm chính là động lực cho sự tăng cường kết nối giữa Việt Nam và New Zealand trong thời gian tới. Trong tương lai, New Zealand sẽ tăng cường hợp tác với Việt Nam, đặc biệt là về kinh tế.

#### **4.4.3. Hàm ý đối với Việt Nam**

Giữ vững đường lối đối ngoại độc lập, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ, tích cực chủ động hội nhập quốc tế, bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa, thực hiện nguyên tắc “bốn không”.

Thúc đẩy vai trò trung tâm của ASEAN trong cấu trúc an ninh khu vực châu Á – Thái Bình Dương.

Song song với phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết dân tộc Việt Nam trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, Việt Nam cần tích cực, chủ động, thúc đẩy tinh thần đoàn kết trong ASEAN, xây dựng một tổ chức liên kết khu vực chặt chẽ, đủ sức chống chọi với những tác động từ bên ngoài.

Nâng cao năng lực quốc phòng, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

Việt Nam cần đặt mục tiêu phát triển kinh tế là động lực chính, là yếu tố chi phối quá trình hoạch định chính sách đối ngoại, nâng cao năng lực kinh tế Việt Nam, đủ sức trụ vững trước các nguy cơ khủng hoảng kinh tế khu vực và trên thế giới.

Việt Nam cần đặt chính sách đối với các nước láng giềng luôn là ưu tiên quan trọng.

Việt Nam cần có chiến lược ngoại giao ở khu vực cùng biển/đại dương.

Việt Nam cần có sự linh hoạt để có thể thích nghi với sự biến đổi của tình hình.

Việt Nam và New Zealand cần đẩy mạnh hợp tác vì mục tiêu tăng trưởng. Ngoài hợp tác về thương mại và đầu tư, Việt Nam cần hợp tác với New Zealand trên lĩnh vực nông nghiệp và phát triển kinh tế nông nghiệp.

#### **Tiểu kết chương 4**

Giai đoạn 1991 – 2022, trước sự chuyển biến sâu sắc của tình hình thế giới và khu vực châu Á – Thái Bình Dương, New Zealand đã có quan hệ với khu vực châu Á – Thái Bình Dương phù hợp với tình hình, nhằm tạo môi trường hòa bình, tranh thủ nguồn lực bên ngoài để xây dựng và bảo vệ đất nước. Quan hệ của New Zealand đối với khu vực châu Á – Thái Bình Dương theo hướng mở cửa kinh tế, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ phù hợp với biến động chung của thế giới. Những thành tựu đạt được từ mối quan hệ ngoại giao giữa New Zealand với khu vực châu Á – Thái Bình Dương góp phần thúc đẩy xây dựng môi trường hòa bình, ổn định để New Zealand có thể tập trung phát triển kinh tế. Các cải cách kinh tế, ổn định chính trị, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa đặc thù, thực hiện chính sách đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ đối ngoại, tạo lập môi trường hòa bình ổn định nhằm phục vụ công cuộc cải cách kinh tế toàn diện, phát huy tối đa vai trò của New Zealand trong khu vực châu Á – Thái Bình Dương nói riêng và trên thế giới. Quan hệ giữa New Zealand và khu vực châu Á – Thái Bình Dương giúp New Zealand nâng cao được vị thế quốc gia, tích cực tham gia hội nhập khu vực, trở thành một đối tác quan trọng của các nước trong khu vực châu Á – Thái Bình Dương, góp phần vào nền hòa bình thế giới.

Quan hệ giữa New Zealand và khu vực châu Á-Thái Bình Dương (1991-2022) có tác động tích cực đối với mối quan hệ song phương giữa New Zealand và Việt Nam, góp phần thúc đẩy quan hệ song phương với Việt Nam phát triển. Mối quan hệ hữu nghị tốt đẹp giữa Việt Nam – New Zealand đã và đang góp phần quan trọng vào sự nghiệp giữ gìn hòa bình, ổn định hợp tác và phát triển trong khu vực và trên thế giới.



## KẾT LUẬN

Kể từ sau chiến tranh Lạnh cho đến nay, mối quan hệ giữa New Zealand và khu vực châu Á – Thái Bình Dương đã đạt được nhiều thành tựu. Một mặt, New Zealand tái khẳng định nhiều nguyên lý về hành vi của các quốc gia nhỏ. New Zealand nhấn mạnh đến việc xây dựng thể chế quốc tế, chủ nghĩa đa phương và các cách tiếp cận quyền lực mềm với trọng tâm là các mối quan tâm là khu vực Châu Á – Thái Bình Dương. Quan hệ New Zealand và khu vực châu Á – Thái Bình Dương giai đoạn 1991 – 2022 phát triển đạt nhiều thành tựu như vậy nhờ có một nền tảng vững chắc và kế thừa những thành tựu của các giai đoạn trước đây và chính sách đối ngoại đúng đắn của New Zealand.

Quan hệ giữa New Zealand và khu vực châu Á – Thái Bình Dương đã đem lại nhiều thành quả cụ thể, giúp New Zealand đạt được an ninh và thịnh vượng. Nhờ tăng cường quan hệ hợp tác an ninh - quân sự trong khu vực châu Á – Thái Bình Dương, vị thế quốc gia của New Zealand ngày càng được củng cố hơn nữa, góp phần vào công cuộc giữ vững độc lập, hòa bình ổn định trong nước cũng như góp phần vào gìn giữ nên hòa bình đối với khu vực Châu Á – Thái Bình Dương và trên thế giới. Quan hệ New Zealand với các quốc gia và các tổ chức trong khu vực châu Á – Thái Bình Dương góp phần đảm bảo hòa bình và an ninh khu vực châu Á-Thái Bình Dương và trên thế giới; góp phần củng cố cấu trúc đa phương của trật tự thế giới, chuyển dịch trọng tâm địa – chính trị thế giới sang châu Á – Thái Bình Dương; góp phần định hình kiến trúc an ninh châu Á-Thái Bình Dương; góp phần đầu tư vào các sáng kiến an ninh và phát triển rộng hơn ở châu Á-Thái Bình Dương; góp phần theo đuổi nỗ lực giải trừ quân bị, phi hạt nhân hóa; góp phần cung cấp hỗ trợ nhân đạo và ứng phó khủng hoảng toàn cầu và khu vực. Quan hệ New Zealand và khu vực châu Á – Thái Bình Dương có vai trò quan trọng không chỉ với New Zealand và khu vực này mà còn có ảnh hưởng tích cực lâu dài tới quan hệ quốc tế.

Quan hệ giữa New Zealand và khu vực châu Á – Thái Bình Dương đã phát triển liên tục, ổn định, đem lại nhiều thành tựu trên các lĩnh vực hợp tác. New Zealand đẩy mạnh quan hệ với các nước lớn, các quốc gia tầm trung trong khu vực, các quốc gia láng giềng và các tổ chức đa phương trong khu vực. Tuy nhiên, quan hệ song phương giữa New Zealand với các quốc gia trong khu vực có mức độ hợp tác khác nhau và khác nhau trên các lĩnh vực hợp tác. Hợp tác khu vực gần gũi nhất của New Zealand theo định nghĩa phân định khu vực về sự gần gũi về mặt địa lý, tính thuần nhất hay sự tương đồng về văn hóa-xã hội là quan hệ giữa New Zealand và các quốc gia láng giềng: Australia và Các Quốc Đảo Nam Thái Bình Dương. Đối với các nước lớn (Mỹ và Trung Quốc) New Zealand chọn cách thức hợp tác đa lĩnh vực và hợp tác song phương đồng thời với cả hai cường quốc. New Zealand hợp tác với khu vực châu Á – Thái Bình Dương thiên về kinh tế-xã hội hơn là an ninh-chính trị. Chính phủ New Zealand xác định thương mại là trọng tâm chính của chính sách đối ngoại của New Zealand. New Zealand không phân biệt sự khác nhau về hệ tư tưởng chính trị trong quá trình hợp tác, hội nhập phát triển kinh tế. Đồng thời, New Zealand cùng một lúc có thể tham gia các tổ chức hợp tác kinh tế khu vực khác nhau và có thể cùng đẩy mạnh hợp tác kinh tế đa phương và song phương với tất cả các đối tác trong khu vực và trên toàn cầu. New Zealand là thành viên chủ chốt trong APEC, CPTPP, đồng thời là thành viên của Ngân hàng Đầu tư Cơ sở Hạ tầng Châu Á (AIIB) – một sáng kiến của Trung Quốc. New Zealand là một nước nhỏ nên trong quan hệ với khu vực châu Á – Thái Bình Dương, New Zealand tích cực tham gia các hợp tác đa phương bên cạnh việc duy trì quan hệ song phương để có thể hạn chế sự chi phối của các cường quốc. New Zealand ủng hộ nhiệt tình luật pháp quốc tế và giải quyết mọi tranh chấp thông qua trọng tài quốc tế. Giống như hầu hết các quốc gia nhỏ, New Zealand cũng phụ thuộc vào các tổ chức đa phương và các diễn đàn trong khu vực như ASEAN, ARF, ADMM+, Đối thoại Shangri La, diễn đàn Hàng Hải ASEAN mở rộng ... để bảo vệ lợi ích quốc gia của mình. Tổng hợp lại, New Zealand đã thể hiện đặc

trung của quốc gia nhỏ là định hướng quốc tế chủ nghĩa, nhấn mạnh về mặt đạo đức trong chính sách đối ngoại, ủng hộ mạnh mẽ chủ nghĩa đa phương và hệ thống quốc tế dựa trên luật lệ, [John Henderson, 1991].

Quan hệ giữa New Zealand và khu vực châu Á - Thái Bình Dương rất sâu rộng và mạnh mẽ, góp phần đảm bảo hòa bình và an ninh khu vực châu Á-Thái Bình Dương và trên thế giới thông qua việc đại diện cho lợi ích của New Zealand trong các mối quan hệ song phương và đa phương, tư cách thành viên trong mạng lưới an ninh, hỗ trợ tham gia gìn giữ hòa bình và an ninh.

Giống như New Zealand, là một quốc gia nhỏ, từ lịch sử đến hiện tại, Việt Nam luôn phải đối mặt với tác động từ các nước lớn trong khu vực và trên thế giới. Những bài học ngoại giao được đúc kết qua các thời kỳ, tư tưởng đối ngoại của Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng với những nhận định, quan điểm, đường lối của Đảng luôn là cơ sở quan trọng cho giới hoạch định chính sách Việt Nam, đề ra những đối sách phù hợp thực tiễn. Trong bối cảnh cạnh tranh quốc tế nhiều khó khăn và phức tạp, Việt Nam cần nắm bắt được thực tiễn, khéo léo nhưng kiên quyết bảo vệ lợi ích chính đáng và dài hạn của quốc gia. Thực hiện tốt đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển; đa dạng hóa, đa phương hóa trong quan hệ đối ngoại đó sẽ là điều kiện tối ưu cho Việt Nam phát triển, phục vụ cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ độc lập, chủ quyền đất nước, góp phần vào hòa bình ổn định cũng như sự thịnh vượng chung của khu vực và thế giới. Trong bối cảnh tình hình khu vực, thế giới diễn biến phức tạp và đặt ra nhiều thách thức, Việt Nam cần thúc đẩy quan hệ hợp tác với New Zealand trên các lĩnh vực chính trị, quốc phòng, an ninh, giao lưu nhân dân giữa hai nước, và đặc biệt là trên lĩnh vực thương mại và đầu tư, nông nghiệp, đưa quan hệ Đối tác chiến lược Việt Nam-New Zealand phát triển mạnh mẽ, thực chất hơn nữa.

## **DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN**

1. Duong Thi Hong Thai et al. (2023), “China – New Zealand relations after the Cold War: Implications for New Zealand’s foreign policy”, *International Journal of Arts, Humanities and Social Sciences* Vol. 04 (06) , pp. 33-40
2. Duong Thi Hong Thai et al. (2023), “The US – New Zealand relations in the post-Cold War era and recommendations for New Zealand ’s foreign policy”, *International Journal of Arts, Humanities and Social Sciences* Vol 04 (10), pp. 27-35